

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**NGUYỄN THỊ MỘNG ĐIỆP**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CỦA TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH GIA LAI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI – năm 2017**

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**NGUYỄN THỊ MỘNG DIỆP**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CỦA TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH GIA LAI**

**Chuyên ngành : Luật Hiến pháp và Luật Hành chính  
Mã số : 60.38.01.02**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:  
GS.TS. VÕ KHÁNH VINH**

**HÀ NỘI – năm 2017**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn Thạc sĩ “*Tổ chức và hoạt động của trung tâm trợ giúp pháp lý từ thực tiễn tỉnh Gia Lai*” là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này./.

Tác giả luận văn

**Nguyễn Thị Mộng Điệp**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRỢ GIÚP PHÁP LÝ</b> .....	8
1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của trợ giúp pháp lý .....	8
1.2. Nội dung cơ bản của tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý .....	16
1.3. Các yếu tố tác động ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam hiện nay .....	22
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TẠI TỈNH GIA LAI HIỆN NAY</b> .....	27
2.1. Tác động của điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội đến tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Gia Lai .....	27
2.2. Thực tiễn tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý tại tỉnh Gia Lai.....	31
2.3. Đánh giá chung về thực tiễn tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý tại tỉnh Gia Lai.....	42
<b>CHƯƠNG 3. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ</b> .....	54
3.1. Quan điểm đổi mới tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý .....	54
3.2. Các giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý trong thời gian tới.....	59
<b>KẾT LUẬN</b> .....	75
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	
<b>PHỤ LỤC</b>	

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chi nhánh	:	Chi nhánh Trung tâm Trợ giúp pháp lý
NNPQXHCN	:	Nhà nước pháp quyền
TGPL	:	Trợ giúp pháp lý
Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai	:	Trung tâm trợ giúp pháp lý
TGV	:	Trợ giúp viên pháp lý
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trợ giúp pháp lý là dịch vụ pháp lý miễn phí cho những đối tượng yếu thế trong xã hội theo quy định của nhà nước, giúp người được TGPL có kiến thức pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, góp phần nâng cao ý thức pháp luật; bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật trong nhân dân. Có thể nói hoạt động TGPL với phương châm “*xóa đói, giảm nghèo*” pháp luật là một trong những yếu tố góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Để thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện nguyên tắc Hiến định “*mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật*”, trong những năm qua cùng với việc đổi mới kinh tế, Đảng và Nhà nước ta chủ trương đổi mới hệ thống chính trị và giải quyết các vấn đề xã hội trong đó có chính sách TGPL nhằm “*thực hiện tốt dân chủ XHCN, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của Nhân dân*”, “*vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh*”. Thực hiện mục tiêu này, năm 1997, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 734/TTg ngày 06/9/1997 thành lập hệ thống tổ chức TGPL cho người nghèo, đối tượng chính sách, thành lập Cục TGPL thuộc Bộ Tư pháp. Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trung tâm TGPL trực thuộc Sở Tư pháp được thành lập. Tại Tỉnh Gia Lai, hoạt động TGPL chính thức được hình thành và đi vào hoạt động bằng việc ban hành Quyết định số 307/1998/QĐ-UB ngày 04/4/1998 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập Trung tâm TGPL Nhà nước (gọi tắt là Trung tâm TGPL Gia Lai) trực thuộc Sở Tư pháp. Trung tâm TGPL có chức năng thực hiện TGPL miễn phí cho người nghèo, người dân tộc thiểu số, các đối tượng chính sách và những người có hoàn cảnh đặc biệt khác trên địa bàn tỉnh.

Tiếp theo đó, ngày 29/6/2006 bước tiến lịch sử trong hoạt động lập pháp về lĩnh vực TGPL là Quốc hội đã thông qua Luật TGPL nâng tầm thể chế từ Quyết

định của Thủ tướng Chính phủ. Đó là mốc son rực rỡ đánh dấu bước chuyển về chất, đưa công tác TGPL lên tầm cao mới phù hợp với yêu cầu phát triển của thực tiễn đất nước và xu thế thời đại. Hiến pháp năm 2013 ra đời tiếp tục khẳng định tôn trọng quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân. Tại Điều 14 Hiến pháp quy định *“Ở nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”*. Như vậy, ở Việt Nam pháp luật về TGPL đã được xây dựng và tạo ra một lộ trình cụ thể tương đối hoàn chỉnh. Vấn đề còn lại là tổ chức và hoạt động TGPL trong đời sống xã hội như thế nào, cần nghiên cứu một cách nghiêm túc, khách quan, toàn diện, có hệ thống cả về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn nhằm từng bước hoàn thiện NNPQXHCN Việt Nam.

Tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL trên địa bàn tỉnh Gia Lai bên cạnh những cố gắng và thành tựu bước đầu đạt được như: góp phần phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế; giúp đỡ, hỗ trợ người được TGPL tiếp cận pháp luật, phát huy quyền con người; nâng cao được năng lực quản lý, tổ chức thực hiện về trợ giúp pháp luật ... Tuy nhiên, vẫn còn có những hạn chế, thiếu sót, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau như: Việc thành lập một số chi nhánh theo chỉ tiêu của Chiến lược và Đề án quy hoạch mạng lưới Trung tâm TGPL chưa căn cứ vào nhu cầu TGPL của người dân và điều kiện cơ sở vật chất chưa được bảo đảm, thiếu TGV pháp lý, đó đó hiệu quả hoạt động còn thấp; TGV pháp lý chưa thực sự chuyên nghiệp trong tham gia tố tụng; việc thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động TGPL, do chưa có cơ chế hợp lý để thu hút nguồn lực tài chính cũng như thu hút các luật sư, luật gia tham gia vào hoạt động TGPL nên xã hội hóa diễn ra chậm; văn bản hướng dẫn thực hiện còn một số bất cập; người dân gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận với tổ chức thực hiện TGPL, đặc biệt là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa... Vì vậy, để khắc phục những hạn chế, bất cập trên và tạo

thuận lợi cho người dân tiếp cận với dịch vụ mang tính chất ưu đãi của Nhà nước thì việc nghiên cứu vấn đề tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL ở tỉnh Gia Lai được đặt ra cả về mặt lý luận và tổng kết thực tiễn cũng như việc đề xuất các giải pháp bảo đảm nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm TGPL.

Xuất phát từ đòi hỏi khách quan này, học viên chọn đề tài: “*Tổ chức và hoạt động của trung tâm trợ giúp pháp lý từ thực tiễn tỉnh Gia Lai*” làm luận văn thạc sĩ Luật học.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL được nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Đến nay, đã có một số đề tài nghiên cứu tiến sĩ, thạc sĩ, đề tài cấp Bộ và các bài báo, tạp chí, chuyên đề nghiên cứu làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan về TGPL nói chung, tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL nói riêng, đó là:

*Đề tài khoa học cấp Bộ: “Mô hình tổ chức và hoạt động TGPL, phương hướng thực hiện trong điều kiện hiện nay”* do Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện, tập trung nghiên cứu về cơ sở lý luận, mục đích, ý nghĩa của hoạt động TGPL; thực trạng tổ chức và hoạt động TGPL, từ đó đề xuất các phương hướng hoàn thiện tổ chức và hoạt động này trong thời gian tới.

Luận án Tiến sĩ: “*Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với hoạt động TGPL ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án Tiến sĩ Luật học của Nguyễn Văn Tùng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2007; “*Điều chỉnh pháp luật về TGPL ở Việt Nam trong điều kiện đổi mới*”, luận án tiến sĩ luật học của Tạ Minh Lý, Đại học Luật Hà Nội, 2008.

Luận văn Thạc sĩ: “*Hoàn thiện pháp luật về người thực hiện TGPL ở Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ Luật học của Vũ Hồng Tuyển, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2004; “*Chất lượng TGPL của Trung tâm TGPL tỉnh Bắc Ninh*”, Luận văn thạc sĩ của Nguyễn Hữu Phương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2009; “*Quản lý nhà nước đối với hoạt động TGPL*”, Luận văn thạc sĩ Luật học của Phan Hòa Hiệp, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2010; “*Hoạt động TGPL trong các chương trình*



*giám nghèo*”, Luận văn thạc sĩ của Lê Thị Thúy, Đại học quốc gia Hà Nội, 2012.

Các bài báo, tạp chí, chuyên đề nghiên cứu: “*Bàn về khái niệm TGPL*” của Tạ Thị Minh Lý, Tạp chí Nhà nước và pháp luật. Viện Nhà nước và pháp luật, Số 10/2005, tr. 77-83; “*Phương hướng xây dựng luật TGPL*” của TS. Đinh Trung Tụng, Tạp san TGPL, 2006; “*Khái niệm TGPL một số vấn đề cần bàn thêm*” của Tạ Minh Lý, Đặc san TGPL, 2006; “*Cần tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ người thực hiện TGPL*”, Đỗ Xuân Lâm, Phạm Thị Bích Ngọc, Tạp chí Dân chủ và pháp luật. Bộ Tư pháp, Số chuyên đề 11/2008, tr. 7 - 9; “*Bảo đảm quyền con người cho người nghèo trong lĩnh vực TGPL*”, TS.Tạ Minh Lý, Nghiên cứu lập pháp. Văn phòng quốc hội, Số13 (150) tháng7/2009, tr. 40 - 46; “*Bảo đảm quyền được TGPL của công dân*”, TS.Hoàng Văn Nghĩa, Nghiên cứu lập pháp. Văn phòng quốc hội, Số 15 (152) tháng 8/2009, tr.5-11; “*Cần hoàn thiện thể chế và các giải pháp để hoạt động TGPL phát triển bền vững*”, Nguyễn Vinh, Tạp chí Dân chủ và pháp luật. Bộ Tư pháp, Số chuyên đề 11/2010, tr. 2 - 5; “*Đánh giá chất lượng vụ việc là hình thức giám sát hiệu quả nhất về thi hành luật TGPL*”, Tạ Thị Minh Lý, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp. Văn phòng Quốc hội, Số 18/2010, tr. 46 - 52; “*Định hướng phát triển bền vững công tác TGPL đến năm 2020*”, Đỗ Xuân Lâm, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật. Bộ Tư pháp, Số chuyên đề 3/2012, tr. 2 - 7; Tạp chí Dân chủ và pháp luật . Bộ Tư pháp, Số chuyên đề Xây dựng Luật Trợ giúp pháp lý ( sửa đổi) 2016, tr.14 - 15.

Có thể thấy, đã có nhiều công trình nghiên cứu về hoạt động TGPL với phạm vi nghiên cứu khác nhau, làm rõ bản chất, nội dung, tính chất, cơ chế thực hiện hoạt động TGPL nói chung, tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL nói riêng đối với quá trình hoàn thiện NNPQXHCN Việt Nam và tiến bộ xã hội. Tuy nhiên, về vấn đề tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL ở một tỉnh Tây Nguyên mà đối tượng đặc thù là người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm phần chủ yếu đến nay chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện và tổng thể về lý luận và thực tiễn. Vì vậy, với đề tài “*Tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL từ thực tiễn tỉnh Gia Lai*”, học viên sẽ kế thừa, vận dụng những kết quả nghiên cứu của các công trình nêu trên kết hợp với thực tiễn địa phương đi sâu phân tích làm sáng tỏ

các vấn đề có liên quan cả về mặt lý luận và thực tiễn, góp phần tìm ra giải pháp khoa học trong công tác tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL tại tỉnh miền núi Tây Nguyên trong thời gian tới để người được TGPL, người có hoàn cảnh khó khăn và chủ yếu là người dân tộc thiểu số được hưởng dịch vụ TGPL miễn phí theo quy định pháp luật.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### *3.1. Mục đích nghiên cứu*

Mục đích của luận văn là nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL; trên cơ sở đó đưa ra một số quan điểm và đề xuất một số giải pháp nhằm đổi mới tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL tại tỉnh Gia Lai nói riêng và cả nước nói chung hiện nay, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng yếu thế khác trong xã hội.

#### *3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

Để đạt được mục đích trên, trong quá trình nghiên cứu, Đề tài cần thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

- Làm rõ những vấn đề lý luận pháp lý và cơ sở thực tiễn về tổ chức và hoạt động TGPL
- Phân tích, đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL; tìm ra được những ưu điểm, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc đó cũng như tình hình quản lý, đánh giá hoạt động của Trung tâm TGPL ở tỉnh Gia Lai trong thời gian qua.
- Đề xuất các quan điểm, giải pháp đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL trong thời gian tới.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

Tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL là một lĩnh vực có phạm vi nghiên cứu tương đối rộng, song dưới góc độ lý luận, Luật Hiến pháp 2013 và các văn bản có liên quan, luận văn chủ yếu tập trung nghiên cứu về tổ chức và hoạt

động của Trung tâm trợ giúp pháp lý gắn với quá trình cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

#### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

Về nội dung: Đề tài nghiên cứu tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL

Về không gian: Trong phạm vi địa bàn tỉnh Gia Lai.

Về thời gian: Từ năm 2010 đến năm 2015.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

#### *5.1. Phương pháp luận*

Luận văn nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của luận văn là Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác Lênin.

Luận văn sử dụng và kết hợp các phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp quy nạp, phương pháp thống kê, phương pháp chuyên gia.

#### *5.2. Phương pháp nghiên cứu*

Luận văn dựa trên cơ sở lý luận về khoa học tổ chức nhân sự, khoa học quản lý, các quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý.

### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

#### *6.1. Ý nghĩa lý luận*

Đề tài này góp phần làm rõ thêm các vấn đề lý luận về tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL ở tỉnh Gia Lai . Những vấn đề được làm sáng tỏ trong luận văn góp phần chứng minh quá trình phát triển đúng đắn các quy định pháp luật về thành lập hệ thống tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL của Nhà nước tạo cơ sở pháp lý quan trọng thúc đẩy hoạt động này.

#### *6.2. Ý nghĩa thực tiễn*

Luận văn này còn làm rõ thực trạng tình hình tổ chức và hoạt động của một Trung Tâm TGPL tại địa phương cụ thể là ở tỉnh Gia Lai. Qua nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL trong thời gian tới .

Kết quả nghiên cứu đề tài có thể sử dụng cho việc hoàn thiện pháp luật và thực tiễn tổ chức và hoạt động của Trung tâm, có thể làm tài liệu nghiên cứu, học tập và cho những người có quan tâm đến vấn đề này.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài mục lục, mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn gồm 3 chương như sau:

*Chương 1:* Những vấn đề lý luận về tổ chức và hoạt động của trợ giúp pháp lý

*Chương 2:* Thực trạng tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý tại tỉnh Gia Lai

*Chương 3:* Quan điểm và giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý .

# CHƯƠNG 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

### 1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của trợ giúp pháp lý

#### 1.1.1. Khái niệm trợ giúp pháp lý

Thuật ngữ “TGPL” trên thế giới và ở nước ta hiện nay có nhiều cách hiểu khác nhau phụ thuộc vào chế độ chính trị, điều kiện kinh tế - xã hội của từng nước. Tuy nhiên, đa số các ý kiến cũng như pháp luật các nước sử dụng cụm từ TGPL là “legal aid” trong tiếng Anh. “*Trợ giúp pháp lý*” (legal aid) có nghĩa là “trợ cấp pháp lý” [26]; “*trợ cấp chi phí về pháp lý ( trích từ quỹ phúc lợi cộng đồng)*” [22, tr.1072]. Thuật ngữ này trong cụm từ “legal aid scheme” được dịch là “*kế hoạch bảo trợ tư pháp*” – kế hoạch nhằm chi trả những chi phí pháp lý từ công quỹ cho những ai không thể tự mình trả nổi [38].

- Theo pháp luật của Anh và xứ Wales thì TGPL là giúp chi trả cho việc tư vấn pháp lý, hòa giải hoặc đại diện tại tòa án cho người không đủ khả năng đó. Điều này có thể bao gồm giúp đỡ về nhà ở, nợ, công việc, gia đình, lợi ích hoặc các vấn đề giáo dục. Cũng có thể nhận được TGPL nếu đang bị cáo buộc là tội phạm [77], [81].

- Pháp luật của Đức coi TGPL là giúp đỡ một phần hoặc toàn bộ tài chính cho những người có thu nhập thấp không có khả năng thanh toán cho các chi phí về tư vấn pháp luật, đại diện hoặc bào chữa trước tòa án [79].

- Singapore là nước đầu tiên ở Đông Nam Á đã hình thành Cục TGPL năm 1958 và có một chương trình TGPL theo Luật TGPL và tư vấn pháp luật năm 1995 [80]. Đây là dịch vụ có phí chứ không miễn phí (phí đăng ký TGPL là 1 đô la Singapore) và TGPL là cung cấp cho người có thu nhập thấp các hình thức tư vấn pháp lý, đại diện pháp lý cho các thủ tục tố tụng tại tòa án cũng như TGPL trong việc soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật [85].

Như vậy, dù có nhiều cách gọi khác nhau nhưng thuật ngữ “TGPL” có nghĩa

chung nhất là sự giúp đỡ, hỗ trợ đối với những người khó khăn về mặt pháp lý.

Ở Việt Nam, năm 1995, thuật ngữ “trợ giúp pháp lý” lần đầu tiên xuất hiện khi bắt đầu xây dựng Đề án về pháp triển hoạt động TGPL ở Việt Nam. Đến năm 1996, thuật ngữ này được sử dụng trong tiêu đề của Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ của Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp: “ *Mô hình tổ chức và hoạt động TGPL, phương hướng thực hiện trong điều kiện hiện nay*” và được sử dụng chính thức trong Quyết định số 734/TTg ngày 06/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tổ chức TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách. Giai đoạn này thuật ngữ TGPL được hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp như sau:

Theo nghĩa rộng, TGPL được hiểu là sự giúp đỡ miễn phí của Nhà nước và xã hội cho người được TGPL và đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận với các dịch vụ pháp lý (tư vấn pháp luật, đại diện, bào chữa), nhằm bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật và thực hiện công bằng xã hội.

Theo nghĩa hẹp, TGPL được hiểu là việc thực hiện các dịch vụ pháp lý miễn phí của các tổ chức TGPL cho người nghèo và người được hưởng chính sách ưu đãi và một số đối tượng khác. Ngoài ra cũng có quan niệm cho rằng TGPL là giúp cho người được TGPL có điều kiện tiếp cận, sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, góp phần nâng cao ý thức pháp luật, thực hiện dân chủ ở cơ sở, tham gia phòng ngừa, đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật.

Theo nghĩa rộng và hẹp nêu trên, có thể hiểu một cách chung nhất rằng: TGPL là việc giúp đỡ pháp lý trong tư vấn pháp luật, hòa giải tranh chấp, đại diện ngoài tố tụng, tham gia bào chữa và thực hiện kiến nghị miễn phí của Nhà nước và xã hội cho người nghèo, người có công với cách mạng, người già cô đơn, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật... (nói chung là những đối tượng yếu thế trong xã hội) theo quy định của pháp luật, nhằm giải tỏa vướng mắc pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật để họ tự mình biết cách ứng xử phù hợp với pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, góp phần tăng cường pháp chế XHCN, bảo đảm công bằng xã hội, giữ vững ổn định chính trị, an ninh, trật tự an toàn xã hội và xây dựng NNPQXHCN.

Tuy nhiên, phải đến khi Luật Trợ giúp pháp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 thì khái niệm TGPL mới được đề cập một cách chính thức, rõ ràng trong một văn bản luật: *“TGPL là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được TGPL theo quy định của Luật TGPL, giúp người được TGPL bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật”* [41].

Với cách tiếp cận như trên, khái niệm TGPL đã thể hiện được những thuộc tính chung của hoạt động này trên thế giới ( đó là tính kinh tế, tính nhân đạo và tính pháp lý) vừa thể hiện được những đặc tính riêng của hoạt động TGPL ở Việt Nam (như là một dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp, một dịch vụ pháp lý chứa đựng tính nhân văn sâu sắc; thể hiện tính chính trị - xã hội, là một trong những phương thức có hiệu quả để Nhà nước bảo đảm ổn định trật tự và an toàn xã hội).

### ***1.1.2. Đặc điểm về trợ giúp pháp lý***

Như đã phân tích trên, TGPL ở Việt Nam ngoài những đặc điểm chung trên thế giới còn có những đặc trưng riêng phù hợp với điều kiện thực tiễn bao gồm:

- *Trợ giúp pháp lý là một loại dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp:* Trợ giúp pháp lý được xác định là một trong những chức năng xã hội của Nhà nước; đối tượng được hưởng TGPL là những người yếu thế, không có đủ điều kiện tiếp cận với các loại dịch vụ pháp lý có thu phí, cần có sự trợ giúp của Nhà nước; các chi phí cho hoạt động TGPL do ngân sách Nhà nước bảo đảm. Đây là một loại hình dịch vụ pháp lý cấu thành nên thị trường pháp lý, do những người có trình độ am hiểu pháp luật thực hiện trên cơ sở pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu giúp đỡ pháp luật của người nghèo và đối tượng chính sách, đối tượng yếu thế khác trong xã hội thông qua việc tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng, giúp đỡ thực hiện công việc liên quan đến thủ tục hành chính, giải quyết khiếu nại.

- *Trợ giúp pháp lý là một dịch vụ mang đậm tính nhân văn,* bởi mục tiêu hướng tới, đối tượng phục vụ là những người có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm người

nghèo, người có công và các đối tượng yếu thế khác cần phải được Nhà nước và xã hội quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ. Sự hỗ trợ này sẽ làm giảm bớt những khó khăn của nhóm đối tượng yếu thế, góp phần tạo sự công bằng trong xã hội.

- *Trợ giúp pháp lý là hoạt động mang tính pháp lý.* Đây là một trong các biện pháp thực thi pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống bởi Nhà nước phải có trách nhiệm tạo ra các cơ chế để giúp người dân biết các quy định pháp luật để thực hiện, sử dụng, tuân thủ trong cuộc sống để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- *Trợ giúp pháp lý mang tính chất miễn phí dành cho người được TGPL:* Tính chất miễn phí được ghi nhận trong Luật TGPL ngay tại khái niệm “*TGPL là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được TGPL*” [41]; nguyên tắc hoạt động “*Không thu phí, lệ phí, thù lao từ người được TGPL*” [41] và là một trong những hành vi bị nghiêm cấm là “*Nhận, đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ người được TGPL; sách nhiễu người được TGPL*” [41]. Tính chất miễn phí ở đây nghĩa là đối tượng thụ hưởng dịch vụ này không hề mất một khoản chi phí nào, kể cả chi phí thủ tục, giấy tờ yêu cầu được TGPL. Các chi phí thực hiện do ngân sách Nhà nước bảo đảm và huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong xã hội, đây là một đặc điểm ghi nhận sự cố gắng của Đảng và Nhà nước trong điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn.

- *Trợ giúp pháp lý thể hiện tính chính trị - xã hội:* TGPL được xác định là trách nhiệm của Nhà nước, Nhà nước giữ vai trò nòng cốt nhằm góp phần khắc phục sự bất bình đẳng trong tiếp cận với pháp luật và xóa nghèo về pháp luật. Thông qua đó, góp phần thiết lập sự ổn định chính trị, bảo vệ chế độ chính trị và các quan hệ xã hội theo ý chí của Nhà nước, làm tăng niềm tin của người dân vào chế độ. Đồng thời, đây là một trong những biện pháp bảo vệ quyền con người, quyền công dân đối với nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương trong xã hội, là một bộ phận cấu thành nên chính sách an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, thực thi chính sách người có công và chính sách dân tộc của Nhà nước.



### ***1.1.3. Vai trò của trợ giúp pháp lý***

*1.1.3.1. Trợ giúp pháp lý là biện pháp góp phần đưa đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đi vào cuộc sống*

Ở nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo. Sự lãnh đạo đó được thực hiện bằng việc đề ra đường lối, chủ trương, chính sách. Nhà nước thể chế hóa chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực xã hội thành pháp luật. Nội dung pháp luật về TGPL đó là chủ trương, quan điểm, chính sách của Đảng đối với người được TGPL. Do vậy, TGPL là cách thức cơ bản, có hiệu lực, hiệu quả nhất để chủ trương, chính sách đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả trong điều chỉnh các quan hệ xã hội và đến với các chủ thể. Qua đó giúp Đảng, Nhà nước kiểm nghiệm tính đúng đắn của các chính sách, pháp luật đã được ban hành trong thực tiễn để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; phát hiện, uốn nắn sai sót trong tổ chức thực hiện để bảo đảm thực hiện tốt hơn các chính sách đối với người được TGPL.

*1.1.3.2. Thực hiện chính sách an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa*

Trong thời gian qua, chính sách TGPL đã được đưa vào chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007); chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (tại Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ); Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020. Để triển khai thực hiện các văn bản trên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 52/2010/QĐ-TTg ngày 18/10/2010 về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo giai đoạn 2011-2020 và quyết định số 59/2012/QĐ-TTg ngày 24/12/2012 về chính sách TGPL cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013-

2020. Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020 (tại Quyết định số 1019/QĐ-TTG ngày 05/8/2012) bao gồm các hoạt động như: truyền thông về TGPL cho người khuyết tật thông qua các hoạt động thích hợp; thực hiện TGPL cho người khuyết tật.

Do đó, TGPL là một bộ phận cấu thành trong tổng thể giải pháp xóa đói, giảm nghèo, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm công bằng xã hội, là một chính sách lớn trong tổng thể các chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước ta. Việc thành lập tổ chức TGPL miễn phí cho người nghèo, người có công với cách mạng và các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khác ở Việt Nam xuất phát từ chủ trương xóa đói, giảm nghèo, đền ơn, đáp nghĩa, đảm bảo công bằng xã hội của Đảng và Nhà nước. Chính vì vậy đòi hỏi công tác này cần phải lấy người nghèo, người có công với cách mạng và các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khác làm trung tâm cho mọi chính sách và hoạt động của mình.

*1.1.3.3. Trợ giúp pháp lý là phương thức giúp người được TGPL nâng cao ý thức pháp luật, bồi dưỡng năng lực làm chủ để tham gia quản lý nhà nước và xã hội*

TGPL là giúp người được TGPL nắm vững pháp luật, nhận thức sâu sắc hiểu biết đầy đủ hơn về chuẩn mực xã hội (những quy tắc xử sự chung, đòi hỏi của cộng đồng), thấy được giới hạn của các hành vi hợp pháp và bất hợp pháp; biết được những việc được phép làm (các quyền năng pháp lý), không được phép làm và phải làm (các nghĩa vụ pháp lý). Nhờ đó, người được TGPL nhận thức được bản chất pháp lý của các tình huống, sự kiện; biết lựa chọn hành vi xử sự phù hợp; hạn chế, loại trừ, kiểm soát rủi ro, biết tìm kiếm giải pháp tốt nhất cho mình. Từ đó, tích cực, chủ động sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và tham gia vào đời sống xã hội. Người được TGPL và các chủ thể sẽ nhận thức đầy đủ hơn về vai trò, trách nhiệm của mình trước Nhà nước và xã hội, trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình và giải quyết công việc chung, từ đó, tích cực và chủ động tham gia giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan công quyền.

#### *1.1.3.4. Đảm bảo bình đẳng, công bằng xã hội, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân*

Tuyên ngôn thế giới về quyền con người đã ghi nhận “*Quyền được coi là vô tội cho đến khi được chứng minh là phạm tội theo pháp luật và quyền được bào chữa*” [21]; Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị ghi nhận “*Mọi người đều bình đẳng trước các toà án, cơ quan tài phán và có quyền được hưởng một cách đầy đủ, bình đẳng quyền được bào chữa, ngay cả khi họ không có điều kiện chi trả*” [22]. Bên cạnh đó, các quyền con người, quyền công dân trong từng lĩnh vực được tiếp tục khẳng định trong nhiều công ước của Liên Hợp quốc như Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng... Việc Việt Nam là thành viên của nhiều Công ước quốc tế về quyền con người, đặt ra yêu cầu Nhà nước cần có trách nhiệm bảo đảm thực thi trên thực tế các quyền đó, hạn chế giàu nghèo, kiểm soát được các tiêu cực mới phát sinh. Nhà nước phải thể hiện vai trò của mình trong bảo đảm thực hiện trên thực tế các quyền con người, quyền công dân cho người nghèo và nhóm yếu thế, dễ tổn thương trong xã hội để họ có điều kiện bình đẳng với các chủ thể khác trong tham gia đời sống xã hội và pháp luật. Do đó, TGPL hình thành và phát triển, đây là một chính sách góp phần bảo đảm các quyền tự do, dân chủ của người nghèo, nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương không chỉ thực hiện trên thực tế quyền con người mà còn giúp họ thực hiện đầy đủ trên thực tế quyền và nghĩa vụ, giúp họ có điều kiện sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Có như vậy, mới phản ánh đúng đắn và đầy đủ bản chất Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, mới bảo đảm để tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, tạo lập công bằng, bình đẳng trên thực tế giữa các chủ thể.

#### *1.1.3.5. Tăng cường đoàn kết dân tộc, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của nhân dân*

Thông qua hoạt động TGPL, nhất là hoạt động tư vấn pháp luật, hòa giải trong TGPL và sinh hoạt câu lạc bộ TGPL, người thực hiện TGPL tuyên truyền, vận động, phân tích, thuyết phục các bên tranh chấp tự giải quyết các mâu thuẫn, những vướng mắc trên cơ sở quy định của pháp luật và vận dụng phong tục tập

quán tốt đẹp của người Việt Nam để giúp các bên tranh chấp tự hòa giải, giải quyết vụ việc tranh chấp thông qua thỏa thuận, tạo sự đoàn kết gắn bó trong cộng đồng dân cư, cũng như giữ gìn tình làng nghĩa xóm theo truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Đồng thời trong quá trình thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL luôn lồng ghép việc phổ biến, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đi vào cuộc sống, giúp người dân sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật.

#### *1.1.3.6. Cải cách hành chính, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa*

Trong thực hiện các vụ việc TGPL, các tổ chức thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL, thực hiện các đề xuất, kiến nghị về những vấn đề liên quan đến thi hành pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, để xem xét và giải quyết kịp thời, đúng quy định của pháp luật, qua đó giúp các cơ quan nhà nước khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong quá trình áp dụng pháp luật để giải quyết công việc cho nhân dân. Thông qua thực hiện pháp luật về TGPL giúp cho các đối tượng được TGPL nắm được các quy định của pháp luật, biết các thủ tục về hành chính liên quan đến việc giải quyết công việc của mình, qua đó tiết kiệm được thời gian, công sức và tài chính của nhân dân.

Ngoài ra, thông qua hoạt động tham gia tố tụng, thực hiện pháp luật về TGPL còn giúp các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết các vụ việc một cách khách quan, công bằng và đúng quy định của pháp luật, mở rộng điều kiện tranh tụng trước tòa, tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong tố tụng, tránh tình trạng oan sai, góp phần phán quyết đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bên cạnh đó, thông qua tổ chức và hoạt động TGPL, các tổ chức TGPL phát hiện những bất cập từ các quy định của pháp luật. Từ đó thực hiện kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các văn bản pháp luật, nhằm hoàn thiện hơn các cơ chế, thể chế và chính sách, pháp luật phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước từ đó càng củng cố niềm tin trong nhân dân về thực thi pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## **1.2. Nội dung cơ bản của tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý**

### **1.2.1. Khái niệm tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý**

#### **1.2.1.1. Khái niệm tổ chức trợ giúp pháp lý**

Tổ chức được cắt nghĩa là “*làm cho thành một chỉnh thể, có một cấu tạo, một cấu trúc và những chức năng chung nhất*” [70]; “*sắp đặt và đưa vào nền nếp hoặc sắp xếp để một số đông người tập hợp nhằm thực hiện một đích*” [32]. Như vậy, tổ chức được hiểu là cách thức sắp xếp, bố trí cho các bộ phận cấu thành một chỉnh thể có cấu trúc và những chức năng nhằm thực hiện mục đích chung nhất định.

Tổ chức TGPL được hiểu theo hai nghĩa, với nghĩa hẹp tổ chức TGPL là những tổ chức thực hiện việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho những người được TGPL theo quy định của Luật TGPL (gồm Trung tâm TGPL nhà nước và các tổ chức tham gia TGPL). Theo nghĩa rộng, tổ chức TGPL là hệ thống TGPL, được cấu tạo từ các bộ phận gồm bộ máy TGPL giữ chức năng quản lý và bộ máy thực hiện nhiệm vụ TGPL theo quy định. Để có cách nhìn toàn diện, bao quát về TGPL, luận văn nghiên cứu theo cách hiểu nghĩa rộng về tổ chức TGPL.

#### **1.2.1.2. Khái niệm hoạt động trợ giúp pháp lý**

Hoạt động được hiểu là “*tiến hành những việc làm có quan hệ với nhau chặt chẽ nhằm một mục đích nhất định trong đời sống xã hội*” [70]; “*tham gia việc gì đòi hỏi phải tốn công sức*” [32]. Có thể hiểu, hoạt động là cụm từ được sử dụng chỉ sự vận động do con người thực hiện nhằm đạt được mục đích nhất định.

Theo đó, hoạt động TGPL, theo nghĩa chung nhất được hiểu là những công việc do các chủ thể có trách nhiệm thực hiện để giúp những người TGPL tiếp cận và sử dụng dịch vụ pháp lý miễn phí nhằm đạt được mục đích của việc TGPL.

### **1.2.2. Tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý**

Từ khi hình thành hệ thống TGPL vào năm 1997 theo Quyết định số 734 và đặc biệt là sau khi Luật Trợ giúp lý năm 2006 được ban hành, theo đó đã Luật hóa những quy định về tổ chức và hoạt động TGPL như khái niệm, nguyên tắc hoạt động, tổ chức bộ máy, người thực hiện TGPL, người được TGPL, phạm vi, hình thức... Có thể khẳng định, Luật TGPL và các văn bản hướng dẫn đã bảo đảm để

Luật kịp thời đi vào cuộc sống, tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng, củng cố và phát triển công tác TGPL, phù hợp với yêu cầu phát triển của thực tiễn đất nước.

#### *1.2.2.1. Về tổ chức bộ máy Trung tâm trợ giúp pháp lý*

Tổ chức bộ máy là một trong những khâu then chốt quan trọng trong việc triển khai thực hiện Luật TGPL nhằm bảo đảm đủ nguồn lực để đáp ứng nhu cầu TGPL ngày càng đa dạng, phong phú. Công tác tổ chức bộ máy TGPL đã được triển khai từ Trung ương đến địa phương, hệ thống tổ chức TGPL ở Việt Nam hiện nay bao gồm: Ở Trung ương, có Cục TGPL thuộc Bộ Tư pháp; ở 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Trung tâm TGPL nhà nước thuộc Sở Tư pháp, đồng thời Trung tâm TGPL đặt các Chi nhánh tại địa bàn cấp huyện hoặc liên huyện.

*a) Ở Trung ương:* Cục TGPL - Bộ Tư pháp là cơ quan quản lý nhà nước và quản lý chuyên ngành về hoạt động TGPL trong phạm vi toàn quốc. Theo báo cáo tổng kết 08 năm thi hành Luật TGPL của Bộ Tư pháp năm 2014: Hiện nay, Cục TGPL có 06 đơn vị thuộc Cục ( 04 phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước và 02 đơn vị sự nghiệp), với 29 biên chế công chức hành chính (lãnh đạo Cục gồm 02 đồng chí (chiếm 6,9%); lãnh đạo cấp phòng có 08 đồng chí (chiếm 27,6%). Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Có 01 Tiến sỹ luật học (chiếm 3,4%); 09 thạc sỹ Luật, 01 Thạc sỹ tài chính kế toán (chiếm 34,5%), còn lại 17 chuyên viên có trình độ cử nhân luật, cử nhân tài chính - kế toán và 01 cao đẳng tài chính - kế toán (chiếm 62%). Nhìn chung, đội ngũ cán bộ công chức của Cục ngày càng được nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc [11].

*b) Ở địa phương:* Tổ chức TGPL của Nhà nước được hình thành trên toàn quốc với 63 Trung tâm thuộc Sở Tư pháp. Đến nay, có 61/63 Trung tâm đều đã có Giám đốc, hầu hết là chuyên trách (55/63) và là TGVPL, tại một số nơi, chức danh này vẫn do Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tư pháp kiêm nhiệm (06/63). Các Trung tâm đã được kiện toàn bộ máy lãnh đạo và thành lập các Phòng chuyên môn nghiệp vụ để bảo đảm tính chuyên môn hóa. Các Trung tâm đã thành lập 157 Phòng chuyên môn, đa số các địa phương thành lập các Phòng chuyên môn, trong đó 57/63 Trung tâm thành lập 03 Phòng chuyên môn và với 164 Trưởng phòng và 55 Phó

trưởng Phòng; chỉ có 06/63 Trung tâm chưa thành lập Phòng chuyên môn.

Trong toàn quốc đã có 201 Chi nhánh ở cấp huyện và liên huyện. Tính đến 31/12/2015, có 48 Chi nhánh có trụ sở riêng, 46 Chi nhánh chưa có Trưởng Chi nhánh, 102 Trưởng Chi nhánh chuyên trách là TGVPL; 33 Trưởng chi nhánh kiêm nhiệm là TGVPL, 09 Trưởng Chi nhánh kiêm nhiệm chưa là TGVPL, 58 Chi nhánh có TGVPL, 43 Chi nhánh chỉ có chuyên viên. Tại nhiều địa phương, Trung tâm và Chi nhánh thực hiện khá hiệu quả nhiệm vụ được giao, một số Chi nhánh đã làm tốt vai trò là đơn vị TGPL phụ thuộc giúp Trung tâm thụ lý và thực hiện các vụ việc trên địa bàn, tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận, không phải đi lại để đến Trung tâm( số lượng vụ việc thực hiện tại trụ sở các Chi nhánh trong 08 năm qua là 74.173 vụ việc); Nhiều Chi nhánh thành lập đủ căn cứ pháp luật có Trưởng Chi nhánh, TGVPL, các viên chức khác và hoạt động hiệu quả. Một số địa phương không thành lập Chi nhánh như Hồ Chí Minh, Hà Nam, Sơn La, Thái Bình, Hà Tĩnh do Trung tâm có thể đáp ứng được nhu cầu TGPL của người dân hoặc địa phương không có đủ nguồn lực để thành lập [11].

#### *1.2.2.2. Hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý*

Trên cơ sở quy định pháp luật về TGPL, Trung tâm thực hiện TGPL cho người được TGPL đang cư trú tại địa phương, vụ việc TGPL xảy ra tại địa phương, vụ việc TGPL do tổ chức thực hiện TGPL khác chuyên đến. Theo đó, nội dung TGPL thông qua các hình thức hoạt động như: tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng và các hình thức TGPL khác cụ thể như sau:

##### *a) Trợ giúp pháp lý thông qua hình thức tư vấn pháp luật*

Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên, luật sư, tư vấn viên pháp luật thực hiện tư vấn pháp luật cho người được TGPL thông qua việc hướng dẫn, giải đáp, đưa ra ý kiến, cung cấp thông tin pháp luật, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến vụ việc TGPL cho người được TGPL. Tư vấn pháp luật có thể được thực hiện trực tiếp bằng lời nói cho người được TGPL tại trụ sở hoặc ngoài trụ sở; qua điện thoại, bằng văn bản; tư vấn bằng lời nói hoặc bằng văn bản cũng có thể thực hiện thông qua TGPL lưu động; thông qua sinh hoạt của Câu lạc bộ TGPL hoặc tại sinh hoạt chuyên đề

pháp luật và các phương thức khác để tư vấn pháp luật cho người được TGPL theo các lĩnh vực pháp luật quy định liên quan đến những đối tượng yếu thế trong xã hội, người có công với cách mạng, đến chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo hoặc liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Tư vấn pháp luật trong hoạt động TGPL không phải là tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật một cách chung chung hoặc chuyển tải thông tin về các văn bản pháp luật mới. Bởi đối tượng của hoạt động tư vấn pháp luật trong hoạt động TGPL là cá nhân cụ thể, nội dung tư vấn có liên quan đến một vụ việc cụ thể theo yêu cầu của đối tượng được TGPL. Hoạt động tư vấn pháp luật trong TGPL cũng giúp cho người được tư vấn hiểu được đúng bản chất về quyền và nghĩa vụ của mình để thực hiện pháp luật và ứng xử phù hợp với pháp luật, ngăn ngừa vi phạm pháp luật.

Kết quả tư vấn pháp luật trong mọi trường hợp phải được thể hiện dưới hình thức phiếu thực hiện TGPL hoặc văn bản tư vấn pháp luật do người thực hiện tư vấn pháp lý ký và ghi rõ họ, tên. Phiếu tư vấn pháp luật trực tiếp phải có chữ ký của người thực hiện TGPL. Phiếu thực hiện TGPL hoặc văn bản tư vấn pháp luật được lập thành 02 ( hai) bản, một bản photocopy giao cho người được TGPL, bản chính được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc. Việc tư vấn pháp luật phải phù hợp với pháp luật về TGPL, được lập thành hồ sơ vụ việc TGPL theo quy định.

*b) Trợ giúp pháp lý thông qua hình thức tham gia tố tụng*

Theo yêu cầu của người được TGPL, tổ chức thực hiện TGPL cử TGV pháp lý hoặc luật sư cộng tác viên tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật về TGPL hoặc pháp luật tố tụng để bào chữa cho người được TGPL là người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc để bảo vệ quyền lợi của người được TGPL là người bị hại, là nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự; tham gia tố tụng dân sự, tố tụng hành chính để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được TGPL trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính. Trong vụ án hình sự, TGV pháp lý tham gia tố tụng với tư cách người đại diện hợp pháp; Luật sư CTV, Luật sư không phải CTV tham gia tố tụng với tư cách người bào chữa để bào



chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Trong vụ án dân sự, hành chính, TGVPL, Luật sư CTV, luật sư không phải là CTV đều tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người thực hiện TGPL phải thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật về TGPL.

*c) Trợ giúp pháp lý thông qua hình thức đại diện ngoài tố tụng*

Người thực hiện TGPL làm đại diện ngoài tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được TGPL khi họ không thể tự bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước các cơ quan, tổ chức không phải là cơ quan tiến hành tố tụng. Khi thực hiện đại diện ngoài tố tụng, người đại diện có trách nhiệm sử dụng các biện pháp phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người được TGPL, việc đại diện ngoài tố tụng được thực hiện trong phạm vi yêu cầu của người được TGPL.

*d) Trợ giúp pháp lý thông qua các hình thức trợ giúp pháp lý khác*

+ Tham gia hoà giải giúp người được TGPL tự giải quyết tranh chấp. Khi có yêu cầu hoặc được sự đồng ý của một hoặc các bên, tổ chức thực hiện TGPL cử người thực hiện TGPL làm trung gian để phân tích các tình tiết của vụ việc, giải thích quy định của pháp luật, hướng dẫn để các bên tự thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc mà không phải đưa vụ việc ra Toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết, tự nguyện rút đơn kiện, tự giải quyết các tranh chấp và tự nguyện chấp hành kết quả giải quyết vụ việc.

+ Người thực hiện TGPL giúp người được TGPL thực hiện các công việc có liên quan đến thủ tục hành chính, khiếu nại hoặc tham gia trong quá trình giải quyết trong trường hợp họ không thể tự mình thực hiện được để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp hoặc thực hiện nghĩa vụ cơ bản của công dân. TGVPL, luật sư có quyền tham gia vào quá trình giải quyết khiếu nại theo đề nghị của người khiếu nại là người được TGPL.

+ Kiến nghị thi hành pháp luật: Khi có đủ căn cứ cho rằng kết quả giải quyết vụ việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa phù hợp với quy định của pháp

luật, gây thiệt hại cho người được TGPL thì thông qua hoạt động TGPL, tổ chức thực hiện TGPL kiến nghị bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến thi hành pháp luật. Khi kiến nghị, tổ chức thực hiện TGPL phải nêu rõ nội dung vụ việc, căn cứ pháp lý được áp dụng và hướng giải quyết vụ việc và chịu trách nhiệm về kiến nghị của mình.

### ***1.2.3. Cơ quan thực hiện quản lý Nhà nước về tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý***

#### ***1.2.3.1. Cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương***

Ở Trung ương, cơ quan QLNN đối với hoạt động TGPL là Chính phủ và Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan ngang bộ khác. Chính phủ là cơ quan thống nhất QLNN về TGPL, Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện QLNN về TGPL. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thực hiện QLNN về TGPL.

#### ***1.2.3.2. Cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương***

Ở địa phương, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (UBND cấp tỉnh) trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện QLNN về TGPL tại địa phương. UBND cấp tỉnh đã kịp thời chỉ đạo trong việc ban hành các văn bản triển khai thực hiện Luật và các văn bản hướng dẫn; bảo đảm về biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất cho Trung tâm; chỉ đạo các cấp, các ngành phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia công tác TGPL; hướng dẫn, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác TGPL; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thanh tra, kiểm tra, kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Sở Tư pháp là cơ quan tham mưu giúp UBND cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác TGPL, chỉ đạo Trung tâm tham mưu, xây dựng các văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền để triển khai thực hiện các nhiệm vụ TGPL; thực hiện tốt công tác tổ chức cán bộ, kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trung tâm và Chi nhánh, quy hoạch, đào tạo phát triển đội ngũ viên chức của Trung tâm; theo dõi, kiểm tra công tác TGPL, đánh giá chất lượng vụ việc TGPL theo thẩm quyền; sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng trong

công tác TGPL. Ngoài ra, có UBND quận, huyện, thị xã và phòng Tư pháp quận, huyện, thị xã cùng phối hợp thực hiện hoạt động TGPL trên địa bàn.

Bộ máy QLNN về hoạt động TGPL có thể được diễn tả bằng mô hình sau :  
(xem phụ lục 1)

### **1.3. Các yếu tố tác động ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam hiện nay**

#### ***1.3.1. Pháp luật về trợ giúp pháp lý***

Đây là yếu tố bảo đảm đầu tiên để tổ chức và hoạt động, bởi lẽ pháp luật không có chất lượng không chỉ khó khăn biến pháp luật trở thành hiện thực mà còn phải bồi thường thiệt hại nhiều mặt cho đối tượng được TGPL, gây mất lòng tin của người dân vào pháp luật của nhà nước. Muốn tổ chức và hoạt động TGPL tốt, điều quan trọng nhất là phải có được hệ thống pháp luật có chất lượng, nếu không sẽ rất khó khăn trong tổ chức thực hiện.

Để đảm bảo cơ sở pháp lý cho hoạt động TGPL có chất lượng, hiệu quả, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật về TGPL. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều bất cập trong quy định TGPL cho người dân thuộc đối tượng yếu thế trong xã hội, một trong những bất cập, hạn chế đó là chưa có sự thống nhất giữa văn bản hướng dẫn về đối tượng được TGPL theo quy định tại Điều 10 Luật TGPL năm 2006. Hơn nữa, đối tượng được TGPL theo quy định của Luật còn hạn chế và chưa phản ánh đầy đủ tinh thần nhân văn, nhân đạo của pháp luật nước ta cũng như việc thực thi nghĩa vụ của Việt Nam đối với chuẩn mực quốc tế về quyền con người được thể hiện trong các Công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên. Cụ thể, Luật TGPL chỉ thừa nhận quyền được TGPL cho đối tượng là trẻ em không nơi nương tựa, chứ chưa phải là trẻ em nói chung; trong khi đó, pháp luật quốc tế quy định rằng trẻ em là đối tượng đặc biệt cần phải được bảo vệ và có quyền được tiếp cận tư pháp và được TGPL miễn phí. Cũng như pháp luật quy định đối tượng được TGPL là người nghèo mà chưa có những quy định mở rộng cho những đối tượng có thu nhập thấp, hộ cận nghèo hoặc những người thất nghiệp, vô gia cư... là những đối tượng có hoàn cảnh hết sức khó khăn trong xã hội.

Hiện nay chúng ta vẫn chưa có quy định về luật sư công có trách nhiệm tham gia

hoạt động TGPL và cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp luật miễn phí. Mặc dù pháp luật khuyến khích luật sư tham gia tự nguyện, tích cực và chủ động đối với hoạt động TGPL, nhưng thực tiễn cho thấy họ tham gia vào hoạt động TGPL ở mức độ rất hạn chế. Phần lớn các luật sư tập trung ở các thành phố lớn, mà chủ yếu ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, trong khi nhu cầu được TGPL lại chủ yếu nằm ở khu nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Qua những phân tích nêu trên cho thấy chất lượng của pháp luật về TGPL hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, nhất là về đối tượng được TGPL. Để đảm bảo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động TGPL, cần sửa đổi, bổ sung pháp luật về TGPL, đưa các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội vào diện đối tượng được TGPL như: phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có quyền được TGPL, điều này đóng vai trò quan trọng trong việc thụ hưởng quyền con người trên thực tế. Việc bảo vệ các đối tượng được TGPL và những nhóm người dễ bị tổn thương này sẽ không có hiệu quả cao nếu chúng ta không có cơ chế luật sư công để tham gia hoạt động TGPL.

### ***1.3.2. Nhận thức và hiểu biết pháp luật của xã hội, đặc biệt là người được trợ giúp pháp lý***

Nhận thức pháp luật bao gồm hiểu biết kiến thức cơ bản về pháp luật; những yêu cầu mang tính mệnh lệnh, cấm đoán hoặc khuyến khích được và không được làm của pháp luật. Việc hình thành kiến thức cơ bản về pháp luật giúp cho các chủ thể đạt được trình độ hiểu biết nhất định, hình thành tình cảm, lòng tin đối với pháp luật, tự giác điều chỉnh hành vi xử sự của mình trong các quan hệ xã hội; giúp họ hiểu rõ bản chất ưu việt của pháp luật và bản chất tốt đẹp của chế độ; thấy được pháp luật là công cụ có hiệu lực sắc bén trực tiếp bảo vệ quyền lợi của họ khỏi sự xâm hại của hành vi vi phạm.

Như vậy, đây vừa là yếu tố đảm bảo về mặt chủ quan để các chủ thể tổ chức và hoạt động TGPL, vừa là mục tiêu phải đạt được trong tổ chức và hoạt động về TGPL.

Tuy nhiên, phần lớn người dân thuộc đối tượng được TGPL sinh sống ở

vùng sâu, vùng xa, trình độ dân trí còn thấp, họ chưa nắm được quy định của pháp luật, chưa biết về quyền được TGPL của mình. Vì thế, TGPL được nhà nước tổ chức tốt sẽ là công cụ hỗ trợ có hiệu quả trong việc bảo vệ người dân thuộc đối tượng được TGPL.

### ***1.3.3. Tổ chức bộ máy trợ giúp pháp lý***

Các chủ thể tổ chức và hoạt động TGPL trong đó Trung tâm TGPL là mạng lưới tổ chức TGPL và mạng lưới cộng tác viên của Trung tâm là yếu tố đảm bảo về phương diện tổ chức để đưa pháp luật về TGPL đi vào cuộc sống, trở thành hiện thực trên thực tế và mang lại hiệu quả nhất.

Thông qua các hoạt động TGPL của Trung tâm và đội ngũ cộng tác viên đã giúp người được TGPL nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, bảo đảm công bằng xã hội; phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật; nâng cao trách nhiệm, minh bạch hóa hoạt động và trách nhiệm của Nhà nước. Qua đó, củng cố mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân; giúp người được TGPL tiếp cận, khai thác và sử dụng pháp luật; hỗ trợ họ thực hiện quyền, nghĩa vụ và tham gia vào đời sống nhà nước và xã hội.

Tuy nhiên, do năng lực chuyên môn, khả năng hiểu biết về pháp luật và nhận thức về hoạt động TGPL của một số cán bộ, viên chức và đội ngũ cộng tác viên chưa cao, chưa nhận thức đầy đủ vai trò trách nhiệm của mình trong công tác phối hợp triển khai thực hiện TGPL cho nhân dân nên hoạt động TGPL ở một số lĩnh vực, một số địa phương còn mang tính hình thức như đại diện ngoài tổ tụng, hòa giải trong TGPL chưa đạt hiệu quả... làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng và hiệu quả triển khai chính sách TGPL của nhà nước.

### ***1.3.4. Năng lực và phẩm chất đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý***

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác TGPL phải là người có tâm huyết, nhiệt tình, có kiến thức pháp luật và mong muốn giúp đỡ người được TGPL, tạo điều kiện cho người được TGPL có cơ hội bình đẳng trong xã hội. Họ là đội quân chủ lực, là nhân tố bảo đảm quan trọng để THPL về TGPL, là cầu nối đưa

pháp luật vào cuộc sống, hỗ trợ người được TGPL tiếp cận và biết sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

Xây dựng tiêu chuẩn, cách thức phân loại, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức TGPL gắn với sự gương mẫu, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, chấp hành pháp luật đối với người được TGPL từ phía các đảng viên và tổ chức Đảng cũng như công tác tổ chức cán bộ trong hoạt động về TGPL là điều kiện bảo đảm định hướng chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với pháp luật và công tác tăng cường quyền tiếp cận pháp luật của người dân, bảo đảm trật tự xã hội, quyền con người và công bằng xã hội. Vì vậy, đây là yếu tố quan trọng trong điều kiện một Đảng cầm quyền gắn với xây dựng NNPQXHCN ở nước ta hiện nay.

#### ***1.3.5. Cơ sở vật chất cho công tác trợ giúp pháp lý***

Các yếu tố này là điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và kinh phí cho công tác tổ chức và hoạt động TGPL. Bao gồm việc đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật, tổ chức đào tạo và là công việc tạo ra thu nhập ổn định cho người thực hiện về TGPL yên tâm hơn trong cuộc sống. Với yêu cầu người đi TGPL phải có năng lực, tâm huyết với nghề thì xã hội phải đảm bảo đời sống của họ tốt thì mới tận tâm, tận lực phục vụ TGPL, không thể để một người “yếu thế” đi TGPL cho người yếu thế khác được.

Bên cạnh đó là cơ chế, chính sách và chế độ ưu đãi cho người được TGPL nhất là việc cung cấp thông tin, phổ biến giáo dục pháp luật và điều kiện tiếp cận pháp luật nhằm giúp họ thuận lợi thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

### **Kết luận Chương 1**

Chương 1 đã phân tích kỹ về định nghĩa, đặc điểm, vai trò TGPL trong đời sống xã hội hiện nay để nhấn mạnh hơn về sự cần thiết tồn tại chế định TGPL trong giai đoạn xây dựng NNPQXHCN; đồng thời phân tích nội dung cơ bản của tổ chức và hoạt động TGPL; các loại hình hoạt động TGPL. Bên cạnh đó còn chỉ ra được các yếu tố tác động ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động TGPL ở Việt Nam cũng

như cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL hiện nay. Những nội dung này cung cấp những vấn đề lý luận, pháp luật thực định về tổ chức và hoạt động TGPL ở Việt Nam. Đây sẽ là cơ sở để phân tích, đánh giá những nội dung của các chương sau.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TẠI TỈNH GIA LAI HIỆN NAY

#### 2.1. Tác động của điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội đến tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Gia Lai

##### 2.1.1. Về địa lý tỉnh Gia Lai

Gia Lai là một tỉnh miền núi thuộc khu vực Bắc Tây Nguyên, có diện tích 15.536,93 km<sup>2</sup>. Phía Bắc giáp tỉnh Kon Tum; Nam giáp tỉnh Đak Lak; Đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên; Tây giáp Campuchia trên chiều dài biên giới 90km.

Phần lớn đất đai tỉnh Gia Lai nằm trên sườn Tây dãy Trường Sơn. Địa hình có hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây với các đồi núi, cao nguyên và thung lũng xen kẽ nhau khá phức tạp. Độ cao trung bình toàn tỉnh từ 700 - 800 mét, đỉnh cao nhất là kông Ka Kinh / kông Kah King (1.761 mét) thuộc huyện Kbang. Từ dãy kông Ka Kinh chạy về phía nam, núi chia thành 2 hệ. Hệ núi thứ nhất chạy dọc phía đông tỉnh, tạo thành dải phân cách tự nhiên giữa Gia Lai với các tỉnh tiếp giáp ven biển miền Trung (cắt quốc lộ 19 ở đèo An Khê). Hệ núi thứ hai chạy từ kông Ka Kinh vào phía nam nối với kông Chiêng (cắt QL.19 ở đèo Mang Yang), chia Gia Lai thành 2 phần: Đông Trường Sơn và Tây Trường Sơn với những đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng, môi sinh khác biệt.

Gia Lai thuộc vùng khí hậu cao nguyên nhiệt đới gió mùa, dồi dào về độ ẩm, có lượng mưa lớn, không có bão và sương muối. Khí hậu ở đây được chia làm 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm là 22 - 25°C. Vùng Đông Trường Sơn từ 1.200 - 1.750 mm, Tây Trường Sơn có lượng mưa trung bình năm từ 2.200 - 2.500mm [82], [83].

##### 2.1.2. Về dân cư

Tính đến năm 2015, dân số trung bình toàn tỉnh Gia Lai 1.397,400 người, mật độ dân số đạt 90 người/km<sup>2</sup>. Trong đó dân số sống tại thành thị 422.473 người,



dân số sống tại nông thôn đạt 974.927 người. Dân số nam đạt 704.203 người, trong khi đó nữ đạt 693.197 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hằng năm 1,28%

Theo thống kê của Cục Thống kê tỉnh Gia Lai, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, toàn tỉnh Gia Lai có 35 nhóm dân tộc cùng sinh sống. Trong đó dân tộc Kinh chiếm nhiều nhất với 772.783 người, chiếm tỷ lệ 55,30%, người Gia Rai có 412.544 người, chiếm tỷ lệ 29,52%, người BaNa có 168.388 người chiếm tỷ lệ 12,05%, cùng các dân tộc ít người khác như Người Mông, người Hoa, người Ê Đê, Tày, Nùng, Dao, Mường, Thái ... có 43.685 người chiếm tỷ lệ 31,12%.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Toàn tỉnh Gia Lai có 10 Tôn giáo khác nhau chiếm 312.272 người, Trong đó, nhiều nhất là Công Giáo có 114.822 người, đạo Tin Lành có 110.114 người, xếp thứ ba là Phật giáo có 84.214 người, đạo Cao Đài có 2.971 người, cùng các đạo khác như Bahá'í có 59 người, Phật Giáo Hòa Hảo có 41 người, Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có 23 người, Minh Lý Đạo có 18 người, Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam có 5 người, ít nhất là Hồi Giáo với 4 người [83].

### ***2.1.3. Về đặc điểm truyền thống***

Trong lịch sử, đồng bào các dân tộc Gia Lai đã nhiều lần sát cánh cùng người Kinh xây dựng và bảo vệ lãnh thổ nhưng phải đến thế kỷ XVIII, khi anh em Tây Sơn (Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ) chọn vùng đất Tây Sơn Thượng đạo (nay là các huyện, thị: Kbang, An Khê, Kông Chro, Đak Pơ) để xây dựng căn cứ địa buổi đầu (1771 - 1773) cho cuộc khởi nghĩa nông dân lớn nhất ở thế kỷ XVIII thì mối quan hệ Kinh - Thượng mới thật sự gắn kết. Những người Ba Na, Gia Rai chẳng những đã hết lòng ủng hộ phong trào mà còn trực tiếp tham gia cuộc khởi nghĩa. Họ đã cùng nghĩa quân người Kinh chiến đấu để thống nhất đất nước, đánh đuổi quân xâm lược Xiêm, Thanh bảo vệ vững chắc nền độc lập của nước nhà và để lại trên địa bàn tỉnh Gia Lai hàng loạt địa danh liên quan đến phong trào.

Trong suốt ba mươi năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cùng với đồng bào miền Nam nói riêng, cả nước nói chung, quân và dân tỉnh Gia Lai dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương đã làm nên những tên đất, tên người lưu danh cùng sử sách như: các anh hùng Núp, Kpă Klong, Kpă Ó... những chiến

thắng Đak Pơ, Pleime, Đường 7... mà đỉnh cao là mùa xuân năm 1975 đại thắng giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Từ sau ngày giải phóng miền Nam, bên cạnh bộ phận dân cư đã có mặt ở Gia Lai từ trước năm 1975, đông đảo người dân Việt Nam từ khắp mọi miền đất nước đã có mặt tại Gia Lai chung sức cùng đồng bào Gia Rai, Ba Na lập nên những kỳ tích mới làm cho vị thế của Gia Lai trong khu vực ngày càng được khẳng định. Hơn 41 năm giải phóng, Gia Lai tự tin cùng cả nước bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

#### ***2.1.4. Tác động của yếu tố địa lý, dân cư và đặc điểm truyền thống đến hoạt động của Trung tâm về trợ giúp pháp lý***

*Thứ nhất*, Gia Lai là một tỉnh miền núi Tây Nguyên; diện tích tự nhiên rộng, địa hình phức tạp; có hơn 90 km đường biên giới với tỉnh Ratanakiri của Campuchia; đa sắc tộc, nhiều tôn giáo, tín ngưỡng cùng sinh sống đồng thời là địa bàn chiến lược về quốc phòng-an ninh. Giao thông chậm phát triển; đồng bào dân tộc thiểu số người Gia Rai và Ba Na chiếm tỉ lệ hơn 40% tổng số dân của tỉnh; phân bố dân cư thưa thớt, chủ yếu theo làng, có khi cách nhau hàng chục kilômét.

Đời sống và trình độ dân trí chưa đồng đều; tỉ lệ đói nghèo cao. Dân cư dọc theo tuyến biên giới giữa Gia Lai và Ratanakiri còn có quan hệ huyết thống nên thường xuyên qua lại thăm viếng lẫn nhau đã gây khó khăn cho việc quản lí của chính quyền các cấp.

*Thứ hai*, trình độ phát triển về kinh tế- xã hội của các dân tộc thiểu số thường thấp hơn, khó khăn hơn so với dân tộc Kinh dẫn đến hình thành sự phân hóa mạnh giữa Kinh - Thượng đồng thời việc di dân ồ ạt của các sắc tộc khác mà nhiều nhất là người Kinh đến các vùng dân tộc thiểu số, đã dẫn đến xung đột giữa người dân tộc thiểu số với người Kinh di cư. Cho nên các thế lực thù địch khai thác triệt để các mâu thuẫn xuất phát từ sự phân hóa này, rồi xuyên tạc nên cái gọi là chính quyền, dân tộc Kinh “xua đuổi, cướp đất” của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên; kỳ thị, phân biệt đối xử đối với đồng bào Gia Rai, Ba Na.

*Thứ ba*, trong lịch sử do ảnh hưởng của Mỹ với Việt Nam, đa phần người

dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên đều theo đạo Tin lành. Từ năm 1929, Hội Tin lành ở Việt Nam bắt đầu cử giáo sĩ đến vùng dân tộc thiểu số Tây Nguyên truyền giáo dẫn đến hoạt động tôn giáo tại tỉnh Gia Lai tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, một số phần tử cực đoan trong tôn giáo, lợi dụng chính sách tự do tôn giáo, tín ngưỡng của Nhà nước được các thế lực bên ngoài kích động đã có hành vi vi phạm pháp luật, một số chức sắc cố tình không chấp nhận pháp luật quốc gia, không thực hiện sự quản lý của Nhà nước đối với các tôn giáo rồi tự cho rằng nhà nước không cho đồng bào được thực hiện tín ngưỡng, tôn giáo của mình. Bên cạnh đó gắn tự do tôn giáo với những đòi hỏi về lãnh thổ, về việc thành lập nhà nước tự trị nhà nước Đê-ga. Các thế lực thù địch mà nhất là tổ chức phản động Fulro, “Tin lành Đê ga”, “Quỹ người Thượng” lưu vong nước ngoài tăng cường chỉ đạo số bên trong đây mạnh hoạt động chống phá vì nghĩ “lịch sử lặp lại” như trong các chế độ cũ trước đây.

*Thứ tư*, việc thực hiện chính sách của nhà nước cũng còn có mặt chưa tốt, một số chính sách chủ yếu phát triển kinh tế, chưa chú trọng phát triển xã hội nâng cao dân trí, gìn giữ bản sắc dân tộc thiểu số, đây cũng là một trong những nguyên nhân tạo nên mâu thuẫn, bất ổn tại khu vực Tây Nguyên.

*Thứ năm*, trong cộng đồng của người dân tộc thiểu số chưa có sự phân hóa giai cấp rõ rệt mà chỉ là sự phân biệt người giàu, người nghèo, các thành viên trong làng phần lớn có cùng huyết thống và gia đình đóng vai trò hết sức quan trọng, mỗi gia đình là một cộng đồng nhỏ gồm nhiều thế hệ và duy trì chế độ mẫu hệ đến ngày hôm nay.

*Thứ sáu*, các dân tộc ở Gia Lai có tinh thần yêu nước và truyền thống cách mạng, có nhiều đóng góp to lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước trước đây, cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay. Gia Lai cũng là nơi có nhiều cán bộ, trí thức, anh hùng rất nổi tiếng là người dân tộc thiểu số, điển hình là anh hùng Núp, Wùu, Kpă Klong...

Những tác động xuất phát từ vị trí địa lý, về đặc điểm dân cư và truyền thống lịch sử của Gia Lai bên cạnh những thuận lợi còn có nhiều khó khăn gây hạn chế

trong việc tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL .

## **2. 2. Thực tiễn tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý tại tỉnh Gia Lai**

### ***2.2.1. Công tác ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về trợ giúp pháp lý***

Việc Quốc hội khoá XI kỳ họp thứ 9 thể chế hóa chính sách cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người nghèo của Đảng bằng một văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao là Luật TGPL đã tạo ra sự đột phá lớn về mặt thể chế, nâng tầm từ 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ lên thành Luật mà không cần qua bước Nghị định, Pháp lệnh. Điều đó khẳng định sự nhìn nhận, đánh giá cao của Quốc hội đối với những thành tựu công tác TGPL đã đạt được.

Ở địa phương, UBND tỉnh trong phạm vi thẩm quyền của mình cũng đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức để quán triệt và chỉ đạo thống nhất các hoạt động liên quan đến công tác TGPL như:

- Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 của UBND tỉnh quyết định về việc thành lập Hội đồng phối hợp liên ngành của tỉnh về TGPL trong hoạt động tổ tụng;

- Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 10/7/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án hoàn thiện về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL nhà nước theo Luật TGPL và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 24/02/2012 của UBND tỉnh Về việc ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện Chiến lược phát triển TGPL trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, với quyết định này tỉnh Gia Lai nhằm cụ thể hóa để triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chiến lược phát triển TGPL ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 4413/QĐ-BTP ngày 08/12/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện Chiến lược phát triển TGPL ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 23/7/2013 của UBND tỉnh Về ban

hành Kế hoạch triển khai Quyết định 59/2012/QĐ-TTg ngày 24/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013-2020.

Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai cũng đã ban hành quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Gia Lai; xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện TGPL lưu động hằng năm theo Quyết định 59/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Như vậy, UBND tỉnh Gia Lai đã xác định công tác TGPL là công tác có chiến lược lâu dài, ổn định nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác TGPL trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở phù hợp với thực tế địa phương và ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiếp cận pháp luật của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo và đối tượng chính sách [66].

### ***2.2.2. Tổ chức và hoạt động của cơ quan trợ giúp pháp lý***

Qua 19 năm phát triển, pháp luật về TGPL đã trở thành một hệ thống đồng bộ. Sự ra đời của Luật TGPL đánh dấu mốc quan trọng khẳng định sự phát triển về chất của công tác TGPL, tạo lập cơ chế đồng bộ trong việc mở rộng và phát triển cân đối dịch vụ pháp lý ở Việt Nam, đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội bằng pháp luật, tăng cường pháp chế XHCN. Lần đầu tiên, một chức danh mới trong tổ tụng là trợ giúp viên pháp lý được thể chế hoá với vai trò là người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự để thực hiện các hình thức TGPL.

Ở địa phương, sau khi Thủ tướng có Quyết định 734/TTg ngày 06/9/1997 thành lập hệ thống tổ chức TGPL cho người nghèo, đối tượng chính sách, thành lập Cục TGPL thuộc Bộ Tư pháp, UBND tỉnh ban hành quyết định số 307/QĐ-UB ngày 04/4/1998 thành lập Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Năm 2007, sau khi Luật Trợ giúp pháp lý 2006 được thông qua, UBND tỉnh Gia Lai đã ban hành quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2007 về việc kiện toàn Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai (sau đây gọi là Trung tâm) và quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2010 về việc thành lập Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp tỉnh Gia

Lai. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng. Trung tâm chịu sự quản lý nhà nước của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

*2.2.2.1. Về công tác nhân sự, tổ chức bộ máy của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai*

Từ khi thành lập đến nay, lực lượng cán bộ, công chức, viên chức và cộng tác viên đã không ngừng lớn mạnh, cụ thể là từ những ngày đầu được thành lập từ năm 1998 theo quyết định số 307/QĐ-UB ngày 04/4/1998, Trung tâm TGPL có lãnh đạo Trung tâm, các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ và các Chi nhánh. Về lãnh đạo, năm 1998 Trung tâm TGPL có Giám đốc do 01 Phó Giám đốc Sở Tư pháp kiêm nhiệm và 01 Phó Giám đốc phụ trách. Tuy nhiên, đến năm 2015, Trung tâm TGPL có 01 Giám đốc Trung tâm và 01 Phó Giám đốc Trung tâm.

Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Gia Lai có lãnh đạo Trung tâm và các phòng chuyên môn, các Chi nhánh Trung tâm TGPL (xem phụ lục 2).

*Tình hình biên chế được phân bổ và biên chế thực hiện được của Trung tâm TGPL từ năm 2010 đến năm 2015*

<b>NĂM</b>	<b>BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO</b>	<b>BIÊN CHẾ THỰC HIỆN</b>
2010	20	14
2011	20	13
2012	20	14
2013	20	13
2014	20	16
2015	20	17

*Nguồn: Số liệu thống kê của Trung tâm TGPL.*

Số lượng công chức, viên chức được bố trí nhiệm vụ công tác tại các bộ phận cụ thể tại Trung tâm TGPL năm 2015 (xem phụ lục 3)

Các chức danh trợ giúp viên pháp lý đương nhiên buộc phải có bằng cử nhân luật, các chuyên viên của Trung tâm TGPL đều có bằng cử nhân chuyên ngành luật, 01 người có bằng cử nhân chuyên ngành kế toán (làm công tác kế toán), 01 người

có bằng trung cấp văn thư - lưu trữ (làm công tác văn thư - lưu). Tuy nhiên, do đặc thù của một tỉnh miền núi, cần phải có đội ngũ giúp việc là người đồng bào dân tộc thiểu số nên trong đội ngũ viên chức của Trung tâm TGPL có 01 viên chức là người dân tộc thiểu số Gia Rai, 01 viên chức là người dân tộc thiểu số Mường.

Số lượng trợ giúp viên pháp lý thực hiện TGPL tại tỉnh Gia Lai từ năm 2010 - 2015:

- + Năm 2010 có 01 trợ giúp viên pháp lý chính và 06 trợ giúp viên pháp lý.
- + Năm 2011 có: 05 trợ giúp viên pháp lý;
- + Năm 2012 có: 06 trợ giúp viên pháp lý.
- + Năm 2013 có : 01 trợ giúp viên pháp lý chính, 03 trợ giúp viên pháp lý .
- + Năm 2014 có : 07 trợ giúp viên pháp lý
- + Năm 2015 có : 06 trợ giúp viên pháp lý

Trợ giúp viên pháp lý là lực lượng chính trong việc triển khai việc thực hiện TGPL trên địa bàn với diện tích: 15.536,92 km<sup>2</sup> , gồm 24 phường, 12 thị trấn và 186 xã, trong đó: 58 xã nghèo, 74 xã và 245 thôn, làng đặc biệt khó khăn [61].

#### *2.2.2.2. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị và kinh phí hoạt động*

##### *a) Trụ sở làm việc.*

- Trung tâm: Trung tâm được bố trí 5 phòng làm việc chung với trụ sở của Sở Tư pháp tại số 46 đường Lê Thánh Tôn, thành phố Pleiku, Gia Lai.

##### *- Chi nhánh:*

+ Chi nhánh số 01: Đặt tại 65 đường Trần Quốc Toản, thị xã AyunPa, có 02 phòng làm việc nằm chung với Phòng công chứng số 2;

+ Chi nhánh số 02: Đặt tại số 35A đường Hoàng Văn Thụ, thị xã An Khê, có 03 phòng làm việc nằm chung với khu vực làm việc của Trung tâm dân số

+ Chi nhánh số 3: Tại 761, đường Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, có 01 phòng làm việc nằm chung với khu vực làm việc của UBND huyện.

##### *b) Phương tiện làm việc:*

- Trung tâm: có 03 xe máy, 06 máy vi tính bàn, 01 máy photocopy, 05 máy in (trong đó 01 máy in đã bị hỏng) và 01 tủ sách pháp luật;

- Chi nhánh 1: có 01 xe máy, 01 máy vi tính bàn, 01 máy photocopy, 01 máy in và 01 tủ sách pháp luật.

- Chi nhánh 2: 01 máy vi tính bàn, 01 máy in và 01 tủ sách pháp luật;

- Chi nhánh số 3: có 01 xe máy, 01 máy vi tính, 01 máy in.

- Kinh phí được cấp: (xem phụ lục 4)

### *2.2.2.3. Về đội ngũ cộng tác viên*

Đội ngũ CTV tham gia thực hiện hoạt động TGPL được bố trí từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn, huyện, thị xã. Số lượng cộng tác viên tùy vào thời điểm khác nhau, có số lượng, cơ cấu khác nhau. Cụ thể như sau:

- Năm 2010, tổng số cộng tác viên là 126 người, với 07 cộng tác viên là luật sư, 11 cộng tác viên tại các cơ quan cấp tỉnh, 30 cộng tác viên tại các cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố và 78 cộng tác viên tại xã, phường, thị trấn; trong đó có 22 cộng tác viên là nữ, 16 cộng tác viên là người dân tộc thiểu số.

- Năm 2011, số lượng cộng tác viên là 104 thấp hơn so với năm 2010 là 22 Cộng tác viên, trong đó có 88 cộng tác viên là nam và 16 cộng tác viên là nữ.

- Năm 2012, Trung tâm TGPL tham mưu Giám đốc Sở Tư pháp ký hợp đồng và cấp thẻ cộng tác viên đối với 22 người, tăng tổng số cộng tác viên của Trung tâm TGPL lên 129 người, trong đó có 04 cộng tác viên là luật sư.

- Năm 2013, Tổng số CTV là 179, trong đó có 07 CTV là luật sư, 19 CTV công tác tại cơ quan cấp tỉnh; 80 CTV là cán bộ phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã.

- Năm 2014, có 134 cộng tác viên, trong đó: 07 cộng tác viên là luật sư, 111 CTV là cán bộ phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã và 16 CTV khác đang công tác tại các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện.

- Năm 2015, Trung tâm có 140 CTV, trong đó: 10 CTV là luật sư, 111 CTV là cán bộ phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã và 19 CTV khác đang công tác tại các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện.



#### *2.2.2.4. Về thành lập và hướng dẫn sinh hoạt các Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý ở cơ sở*

Tính đến 31/12/2015, trên địa bàn tỉnh Gia Lai thành lập được 518 câu lạc bộ tại 58 xã nghèo có tổng số 901 số thành viên Ban chủ nhiệm là cộng tác viên TGPL (xem phụ lục 6).

Trung tâm TGPL đã hướng dẫn tổ chức sinh hoạt mẫu Câu lạc bộ TGPL thường xuyên tại địa phương để thành viên Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ TGPL và người được TGPL, người có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt khác ở cấp xã tham gia sinh hoạt, trao đổi những vướng mắc pháp luật của họ với nhau nhằm tăng cường khả năng tự giải quyết hoặc hỗ trợ giải quyết vướng mắc thông qua tư vấn pháp luật, giúp đỡ kiến thức pháp luật để hỗ trợ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được TGPL.

#### ***2.2.3. Kết quả hoạt động trong công tác triển khai nhiệm vụ trợ giúp pháp lý tại tỉnh Gia Lai***

##### *2.2.3.1. Về công tác trợ giúp pháp lý lưu động tại cơ sở*

Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Gia Lai căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương từ năm 2010 đến 2015 đã tổ chức TGPL lưu động đến các cơ sở tổng cộng 305 đợt TGPL lưu động tại 645 thôn, làng nghèo vùng sâu, vùng xa, và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Mỗi đợt công tác TGPL lưu động, đoàn công tác của trung tâm tập trung trao đổi các vụ việc pháp luật giải thích, tư vấn, giải quyết những vướng mắc liên quan đến quyền lợi ích cũng như nghĩa vụ của công dân thuộc các lĩnh vực pháp luật chủ yếu như: Pháp luật về dân sự, hôn nhân - gia đình, đất đai, bảo vệ rừng, bảo vệ người tiêu dùng, tôn giáo, pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về chính sách ưu đãi xã hội; thực hiện dân chủ ở cơ sở, xây dựng và thực hiện hương ước làng, xã.

Bằng hình thức TGPL lưu động, Trung tâm đã phổ biến giáo dục pháp luật đến 80.359 lượt người, phát tận tay người dân hơn 264.236 tờ gấp có nội dung hỏi đáp pháp luật và giới thiệu về tổ chức và hoạt động TGPL miễn phí cho người được

TGPL (xem phụ lục 5).

#### *2.2.3.2. Về công tác tập huấn, bồi dưỡng cho người thực hiện TGPL*

Hàng năm, Sở Tư pháp và Trung tâm TGPL của Nhà nước tỉnh Gia Lai đều cử TGV và CTV tham gia tập huấn bồi dưỡng kiến thức kỹ năng tham gia tố tụng trong các vụ án dân sự, hình sự do Cục TGPL tổ chức; đồng thời Trung tâm cũng đã tổ chức các lớp tập huấn để bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đội ngũ trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên TGPL. Ngoài ra, Trung tâm cũng đã phối hợp với đoàn khảo sát của Cục Trợ giúp pháp lý tiến hành hoạt động khảo sát nhu cầu thực hiện TGPL tại một số địa bàn và tại các tổ chức, hội đặc thù trên địa bàn tỉnh. (xem phụ lục 7).

#### *2.2.3.3. Sự tham gia của các cơ quan, tổ chức khác vào hoạt động TGPL*

Theo báo cáo của Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai, tính đến tháng 12 năm 2015, hiện tại trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã có 11 văn phòng luật sư và 01 chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư của địa phương khác đặt tại Gia Lai. Tổng số luật sư hành nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai gồm 29 luật sư, trong đó 28 luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh Gia Lai, 01 luật sư thuộc đoàn luật sư của các địa phương khác.

Trong năm 2015, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký thành lập 02 tổ chức hành nghề luật sư, 01 chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư, 03 văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư; chấm dứt hoạt động 03 tổ chức hành nghề luật sư. Đề nghị Bộ Tư pháp cấp chứng chỉ hành nghề luật sư 08 trường hợp, trong đó 06 trường hợp đã được cấp chứng chỉ.

Sở Tư pháp và Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai ký kết Quy chế phối hợp trong quản lý luật sư nhằm phối hợp trong công tác quản lý luật sư trình Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt kết quả Đại hội Đoàn Luật sư nhiệm kỳ 2013-2017.

Từ năm 2010 đến cuối năm 2015, các thành viên của Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai đã thực hiện tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng 118 vụ việc. Trong đó, tham gia tố tụng 117 vụ; đại diện ngoài tố tụng 01 vụ. ( xem phụ lục 8).

Đối với tổ chức tư vấn pháp luật thuộc tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

Trên địa bàn tỉnh Gia Lai có 01 trung tâm tư vấn thuộc Liên đoàn Lao động

tình. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, trung tâm này hầu như không thực hiện tư vấn cho người thuộc diện TGPL nào.

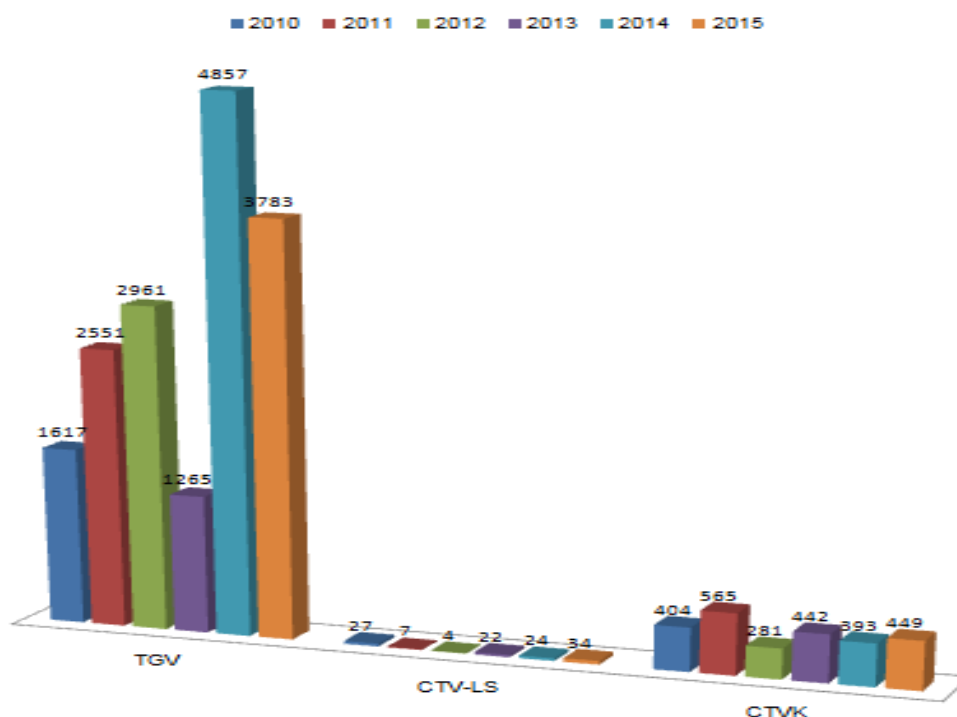
#### **2.2.4. Kết quả hoạt động thực hiện trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý**

Theo số liệu thống kê tại Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Gia Lai từ năm 2010 đến năm 2015 đã tiến hành TGPL giải quyết được 19.666 vụ việc cho 19.555 người được TGPL (xem phụ lục 8,9 ).

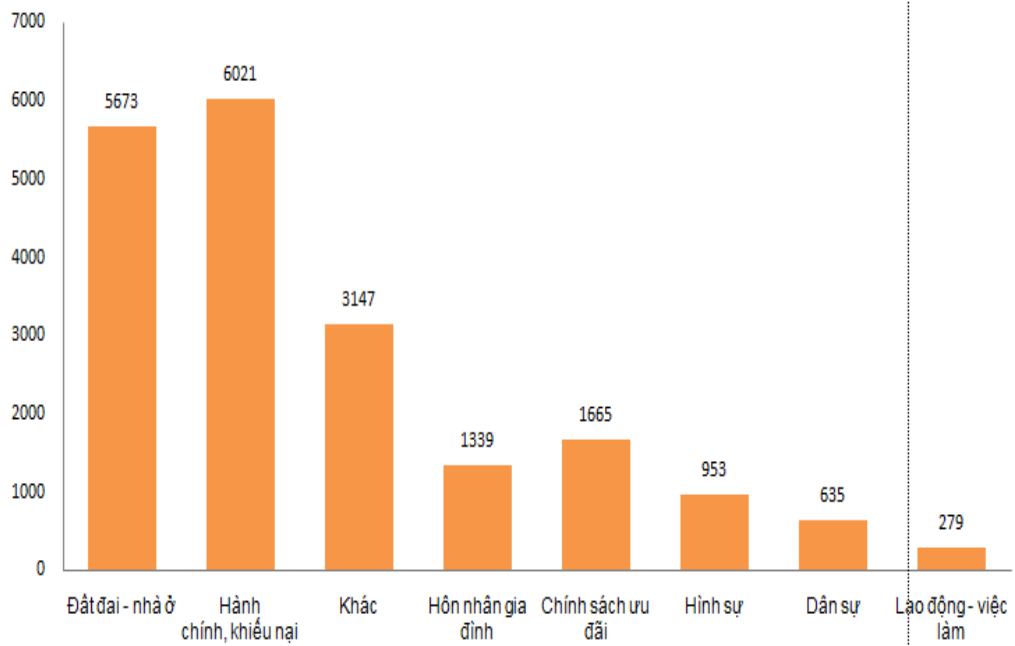
Như vậy từ năm 2010 đến năm 2015:

a) *Kết quả hoạt động TGPL của trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên: 19.666 vụ việc trong đó:*

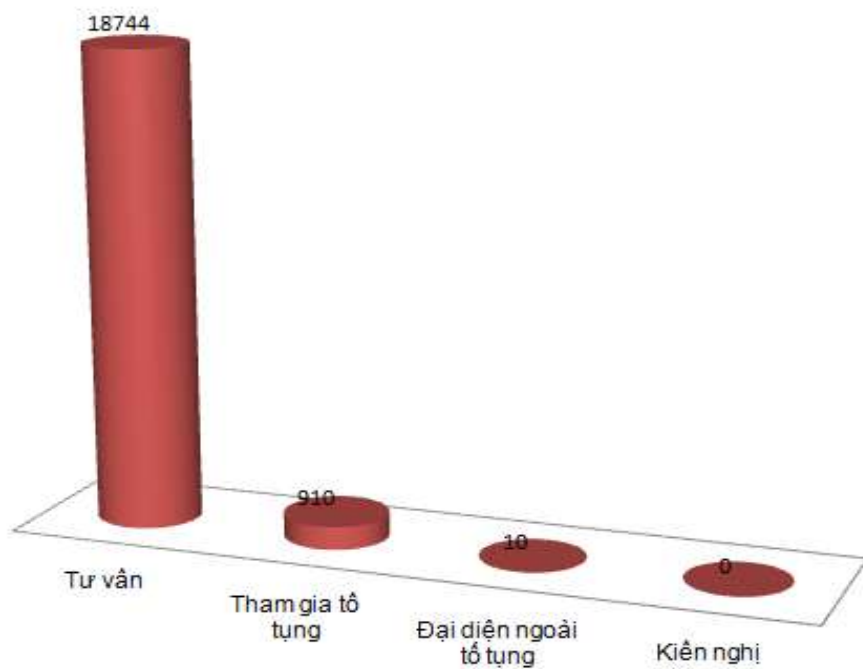
Số vụ việc do: Trợ giúp viên pháp lý thực hiện 17.034 vụ việc; cộng tác viên là luật sư thực hiện là 118 vụ việc; cộng tác viên khác là 2.514 vụ việc.



*b) Kết quả vụ việc TGPL theo lĩnh vực trợ giúp*

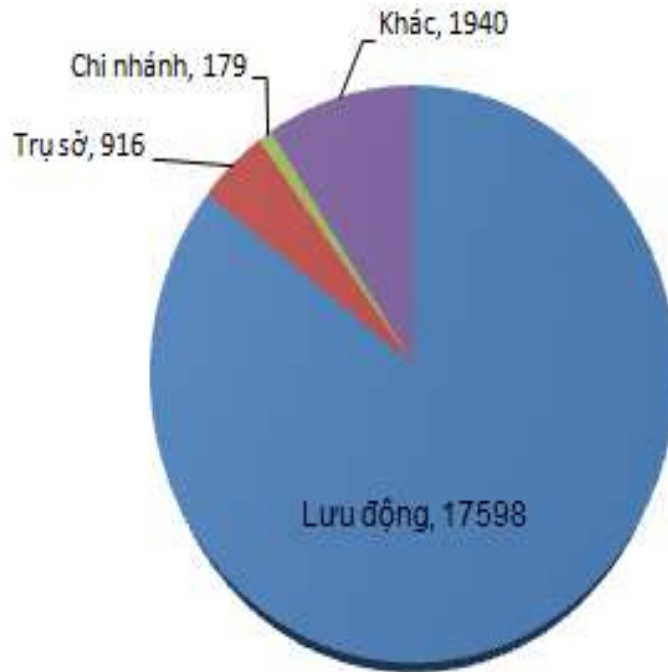


*c) Kết quả vụ việc theo hình thức TGPL*

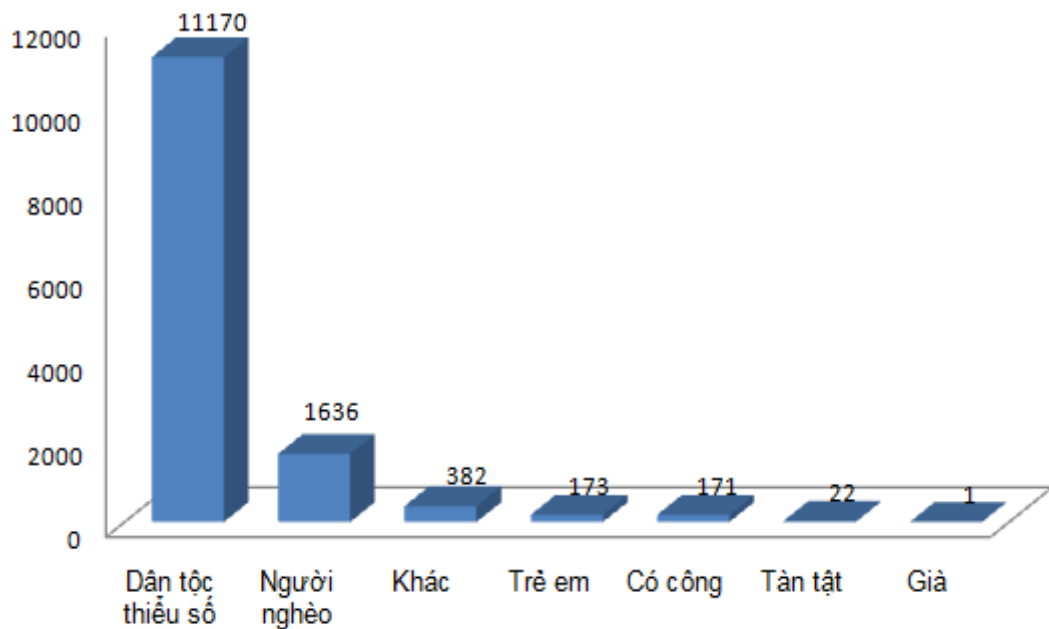


*d) Kết quả vụ việc theo địa điểm thực hiện TGPL*

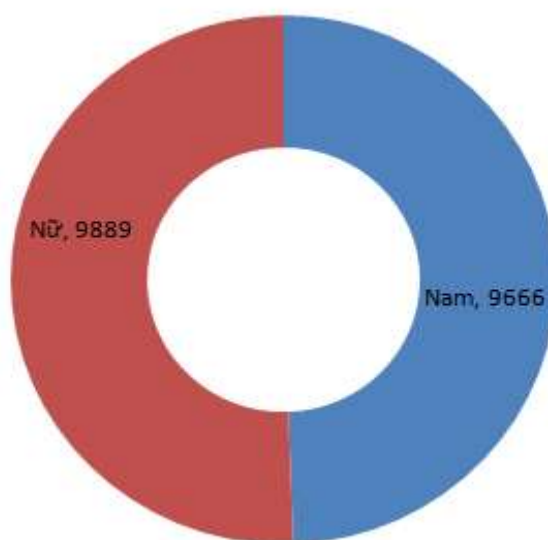
Địa điểm khác: bao gồm địa điểm của các Câu lạc bộ TGPL, Tổ hòa giải.



*e) Kết quả người được TGPL yêu cầu TGPL*



*f) Kết quả theo giới tính của người được TGPL*



**2.2.5. Công tác quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý**

Trước năm 2006, theo quyết định số 734/TTg ngày 06/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập hệ thống TGPL và Thông tư hướng dẫn số 07/1998/TT-BTP ngày 05/12/1998 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về công tác quản lý và thực hiện trợ giúp pháp lý, quy định UBND tỉnh là cơ quan ở địa phương có chức năng QLNN đối với hoạt động TGPL và quy định các nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở Tư pháp trong lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác trợ giúp pháp lý. Sau khi Luật trợ giúp pháp lý có hiệu lực ngày 01/01/2007, UBND tỉnh vẫn là cơ quan QLNN ở địa phương về hoạt động TGPL, nhưng Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh QLNN đối với hoạt động TGPL.

Để triển khai thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về TGPL trên địa bàn, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã chỉ đạo các cấp, các ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện công tác TGPL; bảo đảm về biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất cho Trung tâm; chỉ đạo các cấp, các ngành phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia công tác TGPL; hướng dẫn, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác TGPL; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thanh tra, kiểm tra, kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Sở Tư pháp thực hiện vai trò tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Trung tâm tham mưu, xây dựng các văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền để triển khai thực hiện các nhiệm vụ TGPL; thực hiện tốt công tác tổ chức cán bộ, kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trung tâm và Chi nhánh, quy hoạch, đào tạo phát triển đội ngũ viên chức của Trung tâm; theo dõi, kiểm tra công tác TGPL, đánh giá chất lượng vụ việc TGPL theo thẩm quyền; sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng trong công tác TGPL như : tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện quy hoạch mạng lưới Trung tâm và Chi nhánh TGPL, tổ chức tổng kết 05 năm, tổng kết 08 năm thực hiện Luật TGPL, hàng năm tổ chức tổng kết công tác TGPL, qua đó khắc phục những hạn chế, phát huy mặt tích cực trong công tác TGPL trên địa bàn trong thời gian tới.

Sở Tư pháp chủ động và phối hợp với các Sở, Ban, Ngành chỉ đạo Trung tâm TGPL, Chi nhánh của Trung tâm trong việc xây dựng và phát triển mạng lưới cộng tác viên TGPL; phối hợp Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Câu lạc bộ TGPL, đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu TGPL của người dân tại cơ sở.

### **2.3. Đánh giá chung về thực tiễn tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý tại tỉnh Gia Lai**

#### ***2.3.1. Những thành tựu chủ yếu đạt được***

*Thứ nhất*, ở Tỉnh Gia Lai sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 734/TTg, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời triển khai thực hiện các hoạt động TGPL trên địa bàn tỉnh như: Thành lập Trung tâm TGPL của Nhà nước, phê duyệt đề án kiện toàn Trung tâm TGPL Nhà nước; thành lập Hội đồng phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng; thành lập các Chi nhánh TGPL trực thuộc Trung tâm; ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm; phê duyệt phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, quản lý và sử dụng viên chức của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai. Đồng thời Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành đầy đủ chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện nghiệp vụ TGPL như: Kế hoạch TGPL giai đoạn 2011-2015, kế hoạch TGPL thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia, kế hoạch TGPL lưu động tại

các xã, thôn nghèo đặc biệt khó khăn; kế hoạch đổi mới công tác TGPL trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020. Đồng thời hàng năm Sở Tư pháp đều phê duyệt các kế hoạch TGPL, bảo đảm triển khai thực hiện đầy đủ các hoạt động nghiệp vụ TGPL trên địa bàn tỉnh.

*Thứ hai*, các chủ trương, chính sách pháp luật về TGPL luôn được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo sâu sát đã và đang đi vào cuộc sống, đến với người được TGPL và các chủ thể. Đã kịp thời giúp đỡ, hỗ trợ người được TGPL tiếp cận pháp luật; đưa pháp luật trên giấy vào cuộc sống, trở thành hành vi thực tế, hợp pháp của các chủ thể, đặc biệt là người được TGPL. Đã và đang huy động người được TGPL và toàn xã hội tham gia quản lý nhà nước và xã hội; đấu tranh phòng chống các vi phạm pháp luật, giữ gìn trật tự xã hội và đoàn kết cộng đồng cho nên nhu cầu TGPL của người được TGPL tại Gia Lai ngày càng cao, năm 2010 tổng số chỉ có 2.034 vụ việc nhưng đến năm 2015 tổng số có 4.266 vụ việc, tỷ lệ nhu cầu được TGPL gia tăng 47,68 %.

*Thứ ba*, tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL đã có tác động tích cực đến việc thực hiện các chính sách xã hội, đặc biệt là quyền tiếp cận pháp luật, quyền con người. Trong năm 2010 thì tỷ lệ của người được TGPL là nữ còn thấp chỉ có 580/2.036 người đạt 28,49%. Đến năm 2015 tỷ lệ nữ tiếp cận và sử dụng pháp luật để yêu cầu được TGPL tăng lên so với năm 2010 là 2.143/4246 người đạt 50,47%. Đây cũng là một sự tiến bộ vượt bậc mà những chủ thể thực hiện TGPL mang lại cho xã hội.

Trình độ, năng lực quản lý và tổ chức và hoạt động về TGPL của các cấp, các ngành, nhất là cấp xã, thôn làng được nâng lên, năng lực của cộng đồng trong việc tiếp cận pháp luật, sử dụng pháp luật và kiểm tra, giám sát được cải thiện đáng kể. Mạng lưới hỗ trợ, giúp đỡ người được TGPL (TGPL lưu động, Câu lạc bộ; Tổ Hòa giải, cộng tác viên TGPL) đã đi sâu, đi sát cơ sở để hướng dẫn người được TGPL tìm hiểu pháp luật, nắm bắt chính sách, pháp luật mới. Đơn cử như trong tổng số vụ việc được thực hiện từ năm 2010 - 2015 là 19.666 vụ việc thì trợ giúp viên pháp lý đã giải quyết 17.034 vụ việc chiếm tỷ lệ 86,6% trong tổng số vụ việc



được giải quyết. Kết quả này cho thấy qua 6 năm tổ chức và hoạt động về TGPL, lực lượng trợ giúp viên pháp lý đã phát triển vượt bậc, đã đủ sức đáp ứng được phần nào nhu cầu TGPL của người được TGPL tại địa phương.

*Thứ tư*, nhận thức pháp luật và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật của người được TGPL, từng bước hình thành ý thức tự giác, thói quen sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể. Người được TGPL biết được nhiều hơn về quyền, nghĩa vụ của mình; biết được những hành vi bị cấm, phải thực hiện, không được thực hiện. Khi có vướng mắc pháp luật, họ đã có được địa chỉ để kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ. Họ đã ý thức được rằng pháp luật không chỉ là công cụ quản lý xã hội mà còn hỗ trợ, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

### **2.3.2. Một số hạn chế và bất cập**

Mặc dù đã đạt được thành tựu đáng khích lệ, góp phần thiết thực bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho hàng trăm lượt người, góp phần tích cực vào quá trình tổ chức thực hiện pháp luật, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội. Song trong tổ chức và hoạt động TGPL nói chung đã bộc lộ một số hạn chế và bất cập mà Đảng ta đã đánh giá: “*sự chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa tốt*”; “*tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu*” [2]; “*Hệ thống pháp luật của nước ta còn chậm đi vào cuộc sống; thiết chế bảo đảm thi hành pháp luật còn thiếu và yếu; việc tổ chức thi hành pháp luật còn thiếu chặt chẽ; ý thức pháp luật của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức và nhân dân còn nhiều hạn chế*” [6]. Về mặt xã hội, nó đã bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả quản lý xã hội bằng pháp luật, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế. Tình trạng người được TGPL không muốn vươn lên, thụ động trông chờ vào nhà nước hỗ trợ. Một số nguồn lực được sử dụng không đúng mục đích, lãng phí hoặc chưa phát huy hết hiệu quả. Những hậu quả bất lợi đã và đang nảy sinh, tác động tiêu cực đến đời sống pháp luật, ảnh hưởng đến người được TGPL như mất đoàn kết cộng đồng; mất đoàn kết dân tộc; bất bình đẳng xã hội tăng nhanh; không tin tưởng vào sự nỗ lực, cố gắng của bản thân và nhiều vấn đề xã hội khác. Cụ thể sau:

2.3.2.1. Đặc điểm của tỉnh Gia Lai là một tỉnh miền núi, số lượng người dân

tộc thiểu số đông, chiếm 44% dân số toàn tỉnh. Hơn nữa, như trình bày ở trên do sống tách biệt với thế giới bên ngoài nên người dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều phong tục, tập quán đặc trưng riêng, có tiếng nói riêng và số lượng người dân tộc thiểu số biết tiếng phổ thông cũng còn thấp, nhất là những người lớn tuổi. Trong khi đó, hoạt động TGPL là hoạt động mang tính chất gần gũi với người được TGPL, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của họ. Do vậy buộc đội ngũ người thực hiện TGPL phải am hiểu phong tục tập quán. Tuy nhiên, đội ngũ người thực hiện TGPL vẫn còn có những hạn chế, thiếu hiểu biết về phong tục, tập quán cũng như tiếng nói của người đồng bào dân tộc thiểu số (đặc biệt là hai nhóm người dân tộc thiểu số có số lượng đông nhất là Giarai và Bana). Do đó, việc giao tiếp với người được TGPL là người dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, dẫn tới kết quả không cao.

2.3.2.2. Trung tâm TGPL lại nằm ở thành phố Pleiku, trong khi người nghèo, người dân tộc thiểu số lại ở các vùng sâu, vùng xa. Thậm chí, do đặc điểm của tỉnh là một tỉnh có diện tích lớn (diện tích tự nhiên đến 15.536,93 km<sup>2</sup>, đứng thứ hai cả nước sau Nghệ An), hệ thống giao thông còn nghèo nàn, nên nếu họ ở vùng thành thị cũng khó đến với Trung tâm TGPL (thị trấn Krông Pa thuộc huyện Krông Pa cách thành phố Pleiku gần 150km). Trụ sở làm việc của Trung tâm TGPL còn chật hẹp, nơi tiếp dân của Trung tâm TGPL và các chi nhánh còn nằm chung với các cơ quan hành chính, trong khi người nghèo, người dân tộc thiểu số (là hai đối tượng được hưởng TGPL chính) có tâm lý là ngại đến các cơ quan hành chính, nên họ ít đến trụ sở Trung tâm TGPL và các chi nhánh để yêu cầu TGPL. Mặc dù, Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập không có thu, thực hiện nhiều nhiệm vụ TGPL đặc thù nhưng mức cấp cho Trung tâm vẫn khoán theo chỉ tiêu biên chế, do đó kinh phí cho TGPL trong thực tế còn rất thấp. Mặt khác, công tác TGPL phần lớn vẫn dựa vào sự hỗ trợ về kinh phí từ Quỹ trợ giúp pháp lý Việt Nam, chương trình mục tiêu quốc gia nên chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cũng như nhu cầu TGPL ngày càng tăng của nhân dân; Việc cấp kinh phí theo Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg còn chậm thường vào cuối năm nên khó cho việc triển khai. Như vậy, cùng với việc đầu tư chưa tương xứng, kinh phí được cấp cho hoạt động TGPL

còn thấp, cơ chế sử dụng kinh phí chưa hợp lý, chưa đúng trọng tâm; phương tiện đi lại phục vụ cho hoạt động TGPL còn thiếu nhiều so với nhu cầu, theo tiêu chuẩn thì Trung tâm được cấp ô tô phục vụ công tác nhưng chưa được cấp do đó kết quả đạt được trong thời gian qua còn hạn chế .

2.3.2.3. Mặc dù được quan tâm, nhưng biên chế của Trung tâm chưa đủ để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, chưa có chế độ, chính sách thu hút, ưu đãi đối với viên chức Trung tâm và người thực hiện TGPL, trong khi nhu cầu trợ giúp pháp lý của các đối tượng được trợ giúp pháp lý là rất cao, nhất là nhu cầu được tư vấn pháp luật và tham gia tố tụng. Đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý còn ít so với nhu cầu TGPL (hiện nay Trung tâm có 06 Trợ giúp viên pháp lý), việc tuyển dụng viên chức gặp nhiều khó khăn, có nhiều viên chức đã tuyển dụng được nhưng lại nghỉ việc (vì đặc thù công việc thường xuyên phải đi xã, lương thấp...). Từ năm 2010 Trung tâm được giao chỉ tiêu 20 biên chế thì tuyển dụng được 11, đến năm 2015 vẫn giao 20 biên chế nhưng chỉ tuyển dụng được 17 biên chế.

2.3.2.4. Một số quy định pháp luật đối với TGPL chưa được tổ chức thực hiện tốt trong cuộc sống, chưa đạt được mục tiêu đề ra. Việc đánh giá hiệu quả điều chỉnh của chính sách pháp luật đối với TGPL chưa theo các tiêu chí nhất định, thiếu khách quan, còn phiến diện, nặng về thành tích, chưa làm rõ yếu kém.

Một số chính sách còn mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất, đồng bộ, chưa khả thi và chậm được phát hiện, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành chính sách mới để thay thế.

2.3.2.5. Mức độ tiếp cận của người dân thuộc diện được TGPL đối với dịch vụ pháp lý miễn phí của Nhà nước chưa được đầy đủ. Vì vậy, khi có vướng mắc pháp luật, có tranh chấp phát sinh, họ không chủ động liên hệ với các tổ chức TGPL để đề xuất và yêu cầu TGPL theo quy định. Đồng thời thực tế cho thấy công việc chính của Trung tâm TGPL trong tổ chức và hoạt động TGPL phần lớn là tập trung ở vụ việc tư vấn pháp luật là chính, trong vòng 6 năm số vụ việc tư vấn chiếm tỷ lệ 95% tổng số vụ việc và với kết quả trong từng hình thức ta cũng thấy được người dân hầu như không tin vào hình thức kiến nghị nên các năm hầu như không có.

2.3.2.6. Chất lượng dịch vụ pháp lý miễn phí chưa đáp ứng yêu cầu: Mặc dù, pháp luật về TGPL đã có quy định tương đối chặt chẽ về quy trình thực hiện một vụ việc TGPL kể từ khi tiếp nhận yêu cầu của người dân cho đến khi kết thúc vụ việc, hơn nữa, Bộ tư pháp cũng đã ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc TGPL để làm công cụ cho các cơ quan quản lý nhà nước, quản lý chuyên ngành về TGPL, các tổ chức TGPL quản lý chất lượng vụ việc cũng như giúp người dân giám sát việc thực hiện TGPL. Qua kiểm tra hàng năm của Trung tâm, ở nhiều địa phương, cơ sở vụ việc tư vấn pháp luật còn rất chung chung, chưa chỉ rõ được người dân vướng mắc ở cái gì, lợi ích gì bị xâm phạm, cũng như chưa đi sâu tìm giải pháp phù hợp để định hướng cho họ cách thức giải quyết. Tình trạng này xảy ra tương đối phổ biến ở các vụ việc tư vấn phát sinh trong các đợt TGPL lưu động về cơ sở; Chất lượng một số vụ việc tham gia tố tụng cũng chưa đảm bảo, trong nhiều vụ việc hình sự, TGV pháp lý chưa tiếp cận và tham gia giai đoạn điều tra; việc nghiên cứu hồ sơ vụ án còn sơ sài, thiếu sự chủ động của TGV pháp lý, luật sư-cộng tác viên trong việc thu thập thêm chứng cứ để các cơ quan tố tụng xem xét, giải quyết vụ án một cách toàn diện.

Ngoài ra, chất lượng vụ việc đại diện ngoài tố tụng cũng đang là vấn đề nổi cộm. Khi TGPL theo hình thức này, TGV pháp lý, luật sư – cộng tác viên phải thay mặt người được TGPL thực hiện tất cả các công việc và trực tiếp giải quyết vụ việc, do vậy phải mất nhiều thời gian và chi phí cho vụ việc. Vì vậy, Trung tâm và các Chi nhánh thường ngại khi sử dụng hình thức TGPL này nên phần lớn là chuyển sang thực hiện theo hình thức tư vấn để người được TGPL tự thực hiện ( từ năm 2010 - 2015 hình thức thực hiện đại diện ngoài tố tụng chỉ được 10 vụ). Do đó, không đáp ứng được nguyện vọng của người được TGPL .

2.3.2.7. Công tác quản lý đối với TGPL và thực hiện chính sách TGPL chưa được coi trọng. Nội dung thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với TGPL còn dàn trải, thiếu trọng điểm, chưa sâu, chưa sát với TGPL; Các cơ quan thông tin, truyền thông, báo chí mới dừng lại ở đưa tin mà thiếu phân tích, đánh giá toàn diện về tác động, hiệu quả của chính sách, pháp luật đối với TGPL. Vai trò của

cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức và các thiết chế cơ sở trong phổ biến, giáo dục pháp luật đến với TGPL chưa được phát huy đầy đủ; người được TGPL chủ yếu tại địa bàn tỉnh Gia Lai là người đồng bào dân tộc thiểu số, tiếp theo đó là người thuộc diện hộ nghèo điều này phù hợp với chủ trương, chính sách mà Đảng và Nhà nước đặt ra trong việc tổ chức và hoạt động TGPL. Tuy nhiên cần nhìn nhận là đối với 02 đối tượng yếu thế trong xã hội cần được quan tâm đó là: Người già và người tàn tật hầu như chưa tiếp cận được đến pháp luật mà chỉ thụ hưởng các chính sách ưu đãi mà Nhà nước áp dụng cho đối tượng đặc thù này. Do vậy, trong tương lai cũng cần có biện pháp thích hợp để cải thiện vấn đề này.

Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chưa được coi trọng, trách nhiệm giải trình sau kiểm tra, giám sát chưa rõ... Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chưa làm tốt chức năng giám sát, phản biện chính sách pháp luật và việc tổ chức thực hiện.

### ***2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập***

#### ***2.3.3.1. Nguyên nhân chủ quan***

- Một số cấp uỷ, chính quyền, các ban, ngành ở địa phương, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác TGPL trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân và thực hiện an sinh xã hội nên chưa quan tâm chỉ đạo, theo dõi sát sao để tổ chức thi hành các quy định về TGPL, do đó một số nơi chưa bố trí đủ nguồn lực tổ chức thực hiện TGPL, chưa tích cực tham gia, hỗ trợ hoạt động TGPL.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan với tổ chức TGPL có lúc, có nơi còn chưa thật chặt chẽ, cá biệt có cơ quan, tổ chức vẫn coi TGPL là nhiệm vụ của riêng ngành Tư pháp. Sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với Trung tâm TGPL ở các địa phương chưa thật nhịp nhàng do vậy, hiệu quả trong việc phát hiện đối tượng được TGPL là bị can, bị cáo trong vụ án hình sự, là đương sự trong các vụ việc dân sự, hành chính để kịp thời phối hợp hướng dẫn họ về quyền được TGPL và cách thức tiếp cận, sử dụng dịch vụ TGPL

miễn phí của Nhà nước dành cho họ còn hạn chế.

- Nguồn nhân lực tại địa phương, nhất là nguồn lực cán bộ thực thi pháp luật ở cơ sở chưa đảm bảo về mặt số lượng, chất lượng nên tổ chức thực hiện còn lúng túng, chưa khuyến khích, huy động hết các nguồn lực. Việc kết hợp giữa tổ chức và hoạt động TGPL với chủ trương, chính sách và quy phạm xã hội khác, đặc biệt là chính sách của Đảng và đề cao đạo đức xã hội chưa tốt; công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm chưa được quan tâm.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về TGPL còn xơ cứng, thiếu những giải pháp phù hợp với khả năng nhận thức, tâm lý, văn hóa truyền thống của người được TGPL, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; Chủ thể tổ chức và hoạt động là người được TGPL chưa thấy được trách nhiệm của mình để tự vươn lên thoát khỏi địa vị là đối tượng yếu thế trong xã hội, còn trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước và xã hội.

- Bên cạnh đó, người dân vẫn chưa quen với hoạt động TGPL và chức danh TGV pháp lý, nhiều trường hợp chưa thực sự tin tưởng sử dụng dịch vụ của TGV pháp lý mà ưu tiên sử dụng dịch vụ của luật sư, nhiều trường hợp người thuộc diện TGPL từ chối Trung tâm cử người bào chữa cho họ. Một số khác thì chưa thực sự tin tưởng sử dụng dịch vụ miễn phí, bởi lẽ họ cho rằng miễn phí đi liền với một dịch vụ không chất lượng. Trong một số vụ việc có tác động lớn đến dư luận xã hội được các phương tiện truyền thông đưa tin, Trung tâm đã chủ động liên hệ với đối tượng để cử người thực hiện TGPL nhưng đã bị từ chối.

#### 2.3.3.2. Về nguyên nhân khách quan

- Gia Lai là một tỉnh miền núi có cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật thấp kém, chưa đồng bộ; kinh tế chậm phát triển, tỷ lệ người dân tộc thiểu số, người nghèo cao, phân bố không đều, thiếu nguồn lực bảo đảm thực hiện các chính sách. Bên cạnh đó địa phương áp dụng chung mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống TGPL trong toàn quốc mà chưa tính đến đặc thù của địa phương hiện nay dẫn đến hoạt động chưa hiệu quả so với yêu cầu thực tiễn.

- Có thể nói, thể chế là một yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng đến tổ chức và

hoạt động của Trung tâm TGPL. Mặc dù hệ thống pháp luật TGPL đã tương đối đầy đủ nhưng chưa theo kịp sự phát triển kinh tế, xã hội; chưa đáp ứng với yêu cầu TGPL của người dân và tiến trình cải cách hành chính, cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền. Chính sách TGPL hiện nay còn một số bất cập, chưa thống nhất và đồng bộ, chưa bám sát thực tiễn dẫn đến một số quy định chưa khả thi; việc quy định các chế độ, chính sách đối với TGV pháp lý chưa được bảo đảm, ảnh hưởng đến tâm lý, nhiệt huyết nên chưa tạo động lực khuyến khích TGV pháp lý thực hiện các việc phức tạp như tham gia tố tụng; chưa có chính sách đặc thù để khuyến khích, động viên đối với những người làm công tác TGPL, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, lực lượng ở vùng miền khó khăn nên đội ngũ cán bộ TGPL chưa yên tâm làm việc, chưa có sức hút đối với những người có trình độ cử nhân luật khá, giỏi, luật sư sang làm công tác TGPL.

- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về TGPL chưa bảo đảm tính hợp lý, còn tản mạn trong nhiều văn bản khác nhau nên hạn chế trong việc phát huy hiệu lực điều chỉnh. Luật TGPL không điều chỉnh hoạt động TGPL của luật sư hành nghề tự do mà chỉ điều chỉnh hoạt động TGPL của luật sư CTV và một phần hoạt động của luật sư trong tổ chức đăng ký tham gia TGPL. Việc quy định thù lao cho luật sư CTV tham gia TGPL là quá thấp so với mức được khách hàng trả trên thị trường. Mặt khác, pháp luật hiện nay không quy định chi thù lao cho luật sư trong các tổ chức đăng ký tham gia TGPL, thủ tục thanh toán cho đội ngũ CTV TGPL lại rườm rà, phức tạp do đó chưa khuyến khích được cá nhân, tổ chức tham gia công tác này. Quy định tại Thông tư số 07/2012/TT-BTP ngày 30/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về việc ký hợp đồng cộng tác với CTV TGPL của Trung tâm chưa đầy đủ gây khó khăn cho việc rà soát, loại bỏ những CTV TGPL hoạt động không hiệu quả nhưng không thuộc trường hợp bị thu hồi thẻ hoặc chấm dứt hợp đồng cộng tác.

- Bên cạnh đó, vấn đề tài chính cho hoạt động TGPL cũng là một nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng vụ việc. Ngân sách Trung ương hỗ trợ tại Quyết định 52/2010/QĐ-TTg và Quyết định 59/2012/QĐ-TTg ngày

24/12/2012 không có nội dung chi thực hiện vụ việc TGPL; khâu lập dự toán, thanh quyết toán và kiểm tra khi triển khai Quyết định 59/2012/QĐ-TTg do nhiều đầu mối quản lý, nhiều đơn vị chịu trách nhiệm không phù hợp với chính sách tinh gọn, nâng cao trách nhiệm của cơ quan thực hiện.

- Mặt bằng dân trí pháp lý không đồng đều, rào cản từ truyền thống trọng lễ hơn trọng luật, thói quen tùy tiện, chưa thực sự sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật. Đặc biệt, với người được TGPL, khả năng tự mình tiếp cận hệ thống pháp luật rất hạn chế là rào cản, ảnh hưởng lớn đến chất lượng, hiệu quả tổ chức và hoạt động TGPL..

#### ***2.3.4. Bài học kinh nghiệm trong tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý tại tỉnh Gia Lai***

*Thứ nhất*, quan tâm và tập trung làm tốt công tác phổ biến, giáo dục, tuyên truyền pháp luật nói chung, pháp luật về TGPL miễn phí cho người được TGPL nói riêng đến mọi tầng lớp nhân dân. Bởi vì, nếu chúng ta không làm tốt công tác phổ biến giáo dục, tuyên truyền pháp luật thì làm sao họ có thể biết để nhận thức, triển khai và thực hiện. Do vậy, thực tế cho thấy ở địa phương nào làm tốt công tác phổ biến, giáo dục, tuyên truyền pháp luật về TGPL thì ở đó việc tổ chức và hoạt động TGPL đạt kết quả cao, quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL được bảo vệ. Chính vì vậy, để thực hiện có hiệu quả pháp luật về TGPL chúng ta cần phải làm tốt hơn nữa công tác phổ biến, giáo dục, tuyên truyền pháp luật về TGPL với nhiều hình thức, phương pháp phổ biến, tuyên truyền phong phú, đa dạng và phù hợp với từng đối tượng trong xã hội.

*Thứ hai*, vai trò lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước đối với việc tổ chức và hoạt động TGPL miễn phí cho người được TGPL, đây là cơ sở quan trọng để nhà nước hình thành hệ thống pháp luật về tổ chức và thực hiện TGPL, Nhà nước xác định rõ cơ chế trách nhiệm và các cơ sở pháp lý để việc tổ chức và hoạt động TGPL ngày càng có hiệu quả và bền vững.

*Thứ ba*, sự phối hợp chặt chẽ, tích cực của các cấp uỷ, chính quyền, các cơ quan nhà nước, các ban, ngành, đoàn thể, tạo nên sức mạnh cùng với sự cố gắng của



ngành Tư pháp đã thực hiện tốt nhiệm vụ TGPL thời gian qua.

*Thứ tư*, thường xuyên làm tốt công tác tuyển chọn, bố trí, sắp xếp, qui hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công tác viên TGPL chú trọng phát triển cán bộ, công tác viên người dân tộc thiểu số tại địa bàn. Phải bố trí đủ cán bộ, sắp xếp, phân công hợp lý, có kế hoạch dài hạn và ngắn hạn để đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng TGPL cho cán bộ, công tác viên TGPL. Có chính sách khuyến khích, động viên sinh viên các trường như Đại học Luật, khoa Luật của một số trường đại học về công tác trong các tổ chức TGPL, không ngừng nâng cao chất lượng cán bộ TGPL, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ hiện nay.

*Thứ năm*, có chính sách bảo đảm quyền lợi, chế độ cho những người thực hiện pháp luật về TGPL. Đề cao trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm kinh phí trong tổ chức và hoạt động TGPL và các Quỹ hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế... để đảm bảo thực hiện tốt hơn nữa pháp luật về TGPL miễn phí cho người được TGPL của Gia Lai nói riêng và cả nước nói chung.

*Thứ sáu*, lựa chọn sử dụng các hình thức TGPL phù hợp với các đối tượng TGPL, tập trung đẩy mạnh công tác TGPL lưu động tại cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi có nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội.

Qua TGPL lưu động các tổ chức TGPL đã nắm bắt kịp thời được tình hình thực hiện pháp luật của cán bộ, chính quyền cơ sở cũng như ý kiến chấp hành pháp luật của cộng đồng dân cư. Đồng thời, thông qua TGPL lưu động làm cầu nối gắn kết giữa nhân dân với chính quyền, cũng thông qua TGPL lưu động các tổ chức TGPL phát hiện những bất cập, chồng chéo của các văn bản pháp luật do chính quyền cơ sở ban hành. Từ đó đề xuất các giải pháp để khắc phục.

*Thứ bảy*, duy trì nề nếp công tác thanh tra, kiểm tra; thực hiện tốt công tác sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm; làm tốt công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật trong tổ chức và hoạt động TGPL miễn phí cho người được TGPL. Bởi vì: Lãnh đạo mà không kiểm tra coi như không lãnh đạo. Qua thanh tra, kiểm tra tổ chức và hoạt động TGPL, cơ quan chức năng phát hiện sai phạm, kịp thời có biện pháp uốn nắn, xử lý để thực hiện tốt hơn, đơn vị nào, cá nhân nào làm tốt kịp thời khen thưởng,

động viên. Có như vậy, hiệu quả về tổ chức và hoạt động TGPL miễn phí cho người được TGPL ngày càng được nâng lên .

## **Kết luận Chương 2**

Qua một số nét về đặc điểm kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai, từ phân tích đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động của Trung Tâm TGPL ở Gia Lai hiện nay cho thấy, về cơ bản đã đạt được mục tiêu đề ra, góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đối tượng chính sách, người gia cô đơn, trẻ em không nơi nương tựa, dân tộc thiểu số, phụ nữ bị bạo hành... Đồng thời góp phần quan trọng trong công tác xóa đói, giảm nghèo, đơn ơn đáp nghĩa, thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước. Chính vì vậy, hoạt động TGPL cho thấy đây là chính sách hợp lòng dân, phù hợp với đạo lý của dân tộc, thể hiện tính ưu việt của pháp luật và chế độ XHCN phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong xây dựng NN PQ, hoàn thiện hệ thống pháp luật; đặc biệt là tăng cường quyền tiếp cận pháp luật và sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được TGPL. Các hoạt động nghiệp vụ TGPL đã được triển khai bài bản hơn theo Chương trình. Bên cạnh những kết quả đạt được và đáng ghi nhận trong việc tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL thời gian qua, vẫn còn một số khó khăn và hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong tổ chức và hoạt động TGPL miễn phí trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tế. Vì vậy, trong thời gian tới cần có sự đổi mới trong tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL đang là vấn đề hết sức cần thiết ở Tỉnh Gia Lai nói riêng cả nước nói chung trong những năm tiếp theo.

## CHƯƠNG 3

### QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

#### **3.1. Quan điểm đổi mới tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý**

*3.1.1. Đổi mới tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý để phù hợp với chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước; phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị dựa trên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp trong tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý*

##### *3.1.1.1. Về chính sách dịch vụ công*

Cần đổi mới nhận thức, tư duy về TGPL. Nhìn nhận dưới góc độ là một loại hình dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ pháp lý phong phú, đa dạng trong nhân dân. Đồng thời, xác định giá dịch vụ pháp lý, trên cơ sở đó tùy theo từng nhóm đối tượng trong xã hội để xác định những nhóm được miễn phí dịch vụ hoàn toàn, những nhóm được giảm phí và những nhóm thu toàn bộ phí, qua đó bảo đảm bình đẳng giữa các công dân trong việc thụ hưởng chính sách này. Bên cạnh đó, mở rộng việc TGPL tới tất cả các lĩnh vực pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích của công dân. Với quan điểm như vậy, Nhà nước chỉ là người tổ chức, quản lý các dịch vụ pháp lý; ban hành chính sách, pháp luật tạo định hướng, khuôn khổ pháp lý và kiểm soát chất lượng dịch vụ pháp lý để huy động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia vào hoạt động TGPL. Tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã chỉ rõ “*Hoàn thiện hệ thống chính sách và cơ chế cung ứng dịch vụ công cộng thích ứng với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước không ngừng nâng cao mức bảo đảm các dịch vụ công cộng thiết yếu cho nhân dân*” [20]. Triển khai thực hiện các quan điểm, định hướng đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế quản lý của các đơn vị sự nghiệp công lập nêu trên, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo 37-TB/TW ngày 26/5/2011 của Bộ Chính trị. Trong

đó, nhấn mạnh 5 nội dung gồm hoàn thiện thể chế về cơ cấu và phương thức đầu tư của ngân sách nhà nước; hoàn thiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; xác định khung giá, phí dịch vụ sự nghiệp công từng bước tính đủ chi phí tiền lương, chi phí thường xuyên theo lộ trình phù hợp; thực hiện cơ chế đặt hàng, mua hàng, giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công; đẩy mạnh việc thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công; tăng cường hoàn thiện các công cụ quản lý và vai trò kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước. Do đó, TGPL với tư cách là một loại hình dịch vụ công cũng cần phải có sự đổi mới cho phù hợp với chính sách về dịch vụ công nói chung.

#### *3.1.1.2. Về chính sách xã hội hóa*

Mục tiêu được xác định mang tính chất chiến lược của ngành Tư pháp là đẩy mạnh thực hiện công tác xã hội hóa các dịch vụ công, dịch vụ pháp lý do ngành Tư pháp quản lý trên cơ sở xác định rõ mức độ, tính chất và lộ trình cho từng lĩnh vực cụ thể; phân định rõ vai trò của Nhà nước với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; phân cấp hợp lý giữa Trung ương và địa phương trong quản lý các lĩnh vực dịch vụ công, dịch vụ pháp lý.

Theo Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 cần phải *“Đẩy mạnh hoạt động TGPL cho người nghèo và các đối tượng chính sách theo hướng xã hội hoá”* [6] và Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ Chính trị cũng đã nhấn mạnh nhiệm vụ *“xã hội hóa mạnh mẽ hoạt động hỗ trợ tư pháp”* [7] và sau 08 năm triển khai Chiến lược cải cách tư pháp này vẫn khẳng định *“đổi mới cơ chế, chính sách nhằm mở rộng đối tượng, nâng cao chất lượng TGPL cho người dân, hỗ trợ các đối tượng cần được trợ giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, bảo đảm công lý, công bằng xã hội; đẩy mạnh việc xã hội hóa hoạt động TGPL”* [5].

Mặt khác, cần phải khẳng định, tính chất xã hội hóa hoạt động TGPL - là hoạt động hoàn toàn không có thu, do đó không đồng nhất với cách hiểu các hoạt động xã hội hóa trong các lĩnh vực khác như giáo dục, y tế, công chứng,... Theo đó, hoạt động TGPL của Nhà nước hay xã hội đều phải bảo đảm cho các đối tượng

thuộc diện được TGPL được cung cấp dịch vụ TGPL kịp thời, chất lượng tương đương với dịch vụ mà luật sư cung cấp trên thị trường. Đặc biệt, đối với xã hội, Nhà nước với vai trò quản lý cần tạo cơ sở pháp lý cho các tổ chức, cá nhân trong xã hội thực hiện TGPL nhưng cũng đồng thời phải tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát chất lượng hoạt động TGPL, bảo đảm rằng dù người nghèo và đối tượng chính sách được hưởng dịch vụ pháp lý không mất tiền nhưng chất lượng dịch vụ không thua kém dịch vụ có thu tiền.

### *3.1.1.3. Về chính sách tinh gọn bộ máy*

Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã chỉ ra: “*Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp công lập, xã hội hóa dịch vụ công, từng bước giảm chi lương viên chức từ ngân sách nhà nước; thống nhất quản lý chặt chẽ việc thành lập mới các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng viên chức ở các đơn vị sự nghiệp công lập*” [3]. Theo đó, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập cũng đã đề cập đến những vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy Trung tâm TGPL. Từng bước thu gọn quy mô của các Trung tâm TGPL, xây dựng lộ trình để chuyển mô hình các Trung tâm thành các đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động thường xuyên; thực hiện ủy quyền việc cung cấp dịch vụ công cho các tổ chức ngoài Nhà nước. Hình thức này vừa giảm phần đầu tư từ ngân sách, giảm biên chế sự nghiệp, huy động được vốn, kinh nghiệm quản lý của tư nhân, đồng thời Nhà nước vẫn can thiệp trực tiếp và thường xuyên để bảo vệ lợi ích công. Ngoài ra, nên nhất thể hóa chức danh luật sư và chức danh TGV pháp lý, thống nhất chỉ có duy nhất một chức danh luật sư trong thị trường dịch vụ pháp lý.

### ***3.1.2. Đổi mới tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý lấy con người làm trung tâm, đảm bảo quyền con người, quyền công dân***

Trong Cương lĩnh, Đảng ta xác định: “*Con người là trung tâm của chiến lược phát triển; là chủ thể phát triển; tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của*

*nhân dân” [4]. Ngày 28/11/2013, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo đó, Hiến pháp đã ghi nhận quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa là một trong những quyền cơ bản của công dân, đồng thời bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử. Hiện nay, Nhà nước ta là thành viên của nhiều Công ước quốc tế về quyền con người đòi hỏi Nhà nước phải bảo đảm thực hiện những nguyên tắc này trên thực tế các quyền con người, thông qua nhiều phương thức, trong đó có tổ chức và hoạt động về TGPL phải lấy người được TGPL làm chủ thể trung tâm, chịu trách nhiệm chính, từ xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật đến tổ chức thực hiện và bảo vệ pháp luật. Nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm và cung ứng các dịch vụ cơ bản, thiết yếu cho người được TGPL và kiểm soát được chất lượng dịch vụ mà họ được hưởng, thiết lập cơ sở pháp lý để tạo lập cơ hội công bằng, bình đẳng giữa các chủ thể.*

Đây là quan điểm thể hiện bản chất, tính ưu việt của chế độ XHCN là chế độ vì con người, cho con người và hướng đến các giá trị cao quý nhất của con người. Do đó, cần lấy quan điểm phục vụ cho người dân, lấy quan điểm phải thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn nhất chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước làm mục tiêu, làm trực đề chúng ta thực hiện đổi mới công tác TGPL.

### ***3.1.3. Đổi mới tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý cần đồng bộ với đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính và tăng cường các hoạt động hỗ trợ***

Để tiếp tục triển khai chủ trương xã hội hóa hoạt động TGPL đã được ghi nhận tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Nghị quyết số 48- NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020 là: “*Khuyến khích các tổ chức cá nhân phát triển dịch vụ thông tin, tư vấn hỗ trợ pháp luật đáp ứng các yêu cầu đa dạng của nhân dân và phù hợp với pháp luật. Đẩy mạnh hoạt động TGPL cho người được TGPL” [6].* Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X tiếp tục khẳng định: Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người... cải cách phải khẩn trương và đồng bộ.

Vì vậy, tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL cho người được TGPL phải gắn liền với cải cách hành chính, cải cách tư pháp, Đảng và Nhà nước cần tập trung vào các vấn đề đó là:

- Cải cách thể chế và tổ chức cũng như hoạt động TGPL theo hướng phục vụ cho người được TGPL ngay tại cơ sở, củng cố, kiện toàn bộ máy TGPL từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn theo hướng tinh gọn nhưng hoạt động hiệu quả, làm rõ cơ chế quản lý về tổ chức và hoạt động của các tổ chức TGPL ở cơ sở. Bảo đảm thực hiện tốt yêu cầu đơn giản hoá và công khai minh bạch các thủ tục hành chính đặc biệt là thủ tục liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của người dân, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức làm công tác TGPL, có đủ khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu TGPL. Trong quá trình thực hiện pháp luật về TGPL phải tuân thủ nguyên tắc: Cán bộ, công chức được phép làm những gì pháp luật cho phép, còn công dân được làm những gì mà pháp luật không cấm; đảm bảo bình đẳng trong việc tiếp cận với dịch vụ TGPL, phân biệt các đối tượng TGPL, đáp ứng các yêu cầu hợp pháp của công dân về TGPL, bảo vệ trật tự, kỷ cương, dân chủ, công bằng trong xã hội.

- Cải cách tư pháp đảm bảo vai trò của các tổ chức TGPL trong hoạt động tham gia tố tụng nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người được TGPL.

#### ***3.1.4. Đổi mới tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý để phù hợp với xu hướng phát triển trợ giúp pháp lý trên thế giới***

Mặc dù có sự khác nhau giữa định hướng xu hướng phát triển giữa những nước có hệ thống TGPL phát triển lâu đời và những nước mới thành lập nhưng mục đích chung mà các nước đều hướng đến là sử dụng TGPL như một công cụ bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp cho nhóm người yếu thế trong xã hội. Mặt khác, năm 2012 Đại hội đồng Liên Hợp quốc đã thừa nhận TGPL là một thành tố cơ bản của hệ thống tư pháp hình sự dựa trên nguyên tắc pháp quyền, là cơ sở cho việc thụ hưởng các quyền khác. Như vậy, quyền được tiếp cận TGPL là quyền rất quan trọng trong tư pháp hình sự thế giới. Trong bối cảnh Việt Nam đang xây dựng NNQPXHCHCN thì quyền tiếp cận TGPL cũng cần được coi là quyền cơ bản của công

dân, bảo đảm bất kỳ người dân không phân biệt giàu hay nghèo đều có quyền có luật sư bảo vệ trong phiên tòa hình sự để hưởng phiên tòa công bằng. Bên cạnh đó, ngày 12/11/2013, Việt Nam đã chính thức là thành viên Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc, đây là Hội đồng có tiếng nói quan trọng nhất trong hệ thống các thể chế của Liên hợp quốc về quyền con người, góp phần thúc đẩy sự tôn trọng và bảo vệ trên phạm vi toàn cầu các quyền con người và tự do cơ bản một cách công bằng, bình đẳng và không phân biệt đối xử. Điều này sẽ vừa là cơ hội vừa là thách thức trong vấn đề bảo vệ nhân quyền ở Việt Nam, trong đó vấn đề bảo đảm quyền bào chữa trong tố tụng hình sự được coi là một trong những vấn đề cơ bản của nhân quyền. Hiện nay, Văn phòng liên hiệp quốc về chống ma túy và tội phạm (UNODC) được Hội đồng liên hiệp quốc giao nhiệm vụ chủ trì cùng các nước xây dựng Luật Mẫu TGPL trong hệ thống tư pháp hình sự, là nền tảng, căn cứ để các nước tham khảo, học tập áp dụng mô hình phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế - xã hội với mình.

### **3.2. Các giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý trong thời gian tới**

#### **3.2.1. Giải pháp chung**

##### *3.2.1.1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý*

Nhận thức đầy đủ, đúng đắn bản chất của vấn đề là nhân tố trước tiên để giải quyết có hiệu quả vấn đề. Bởi vậy, tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL cần phải có nhận thức đúng đắn, khoa học mới tổ chức và thực hiện có kết quả, cụ thể:

*Một là*, nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của người được TGPL trong xã hội và trong tổ chức, hoạt động TGPL, tập trung phần lớn ở người dân tộc thiểu số Gia Rai, Ba Na.

Để có được nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của người được TGPL cần làm tốt công tác truyền thông, tư vấn pháp luật về TGPL. Nhà nước cần tạo lập khuôn khổ pháp lý kết hợp với những đặc thù về dân số, phong tục tập quán của dân tộc thiểu số Tây Nguyên, điều tiết nguồn lực để người được TGPL có cơ hội tiếp cận với công lý, được nắm bắt đầy đủ thông tin pháp luật.



Cần bồi dưỡng, nâng cao năng lực làm chủ cho người được TGPL; hỗ trợ, giúp đỡ họ tham gia vào quá trình hoạch định chính sách, pháp luật, quá trình tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Người được TGPL phải đóng góp vào quá trình tổ chức và hoạt động TGPL, biết tận dụng và thụ hưởng đầy đủ chính sách mà Nhà nước tạo lập cho họ. Để từ đó, họ phải tích cực học tập tìm hiểu nâng cao nhận thức và ý thức pháp luật tiến đến tinh thần thượng tôn pháp luật không trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước và xã hội.

*Hai là*, nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của pháp luật đối với người được TGPL.

Với một tỉnh miền núi Tây Nguyên tổ chức và hoạt động về TGPL không chỉ dừng lại ở việc nâng cao nhận thức pháp luật mà đây chính là quá trình giúp họ, nhất là người dân tộc thiểu số khẳng định vị thế của mình với tư cách là một chủ thể trong xã hội, phá bỏ tính cách biệt của làng, xã truyền thống giúp họ được thể hiện chính kiến, quan điểm và bày tỏ thái độ đối với xã hội; có cơ hội tiếp cận, sử dụng và thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật một cách mềm dẻo, linh hoạt để bảo đảm công bằng, trật tự xã hội và xây dựng văn hóa pháp luật trong cộng đồng dân cư, một khi mà pháp luật chính là công cụ, vũ khí để bảo vệ con người, quyền con người trong xã hội, nhất là đối với những người dễ tổn thương trong cộng đồng là khát vọng cháy bỏng của nhân loại tiên bộ thì việc giải quyết tốt vấn đề quyền tiếp cận pháp luật cần được xác định là tiêu chuẩn, là thước đo để đánh giá mức độ tiến bộ, dân chủ, văn minh của một xã hội và chế độ nhà nước.

*3.2.1.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý*

Đây là giải pháp đặc biệt quan trọng, quyết định sự thành công hay thất bại trong chính sách pháp luật nói chung và về TGPL nói riêng cũng như trong tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL. Để thực hiện tốt giải pháp này, cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

*Một là*, cần tiếp tục đổi mới tư duy, nâng tầm nhận thức lý luận và năng lực tổ chức, hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật đối với người được

TGPL của Đảng và từng cấp ủy. Cần đặc biệt chú trọng công tác cán bộ nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số Gia Rai, BaNa phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa bàn cơ sở. Điều đó đòi hỏi Đảng phải đặc biệt quan tâm đến người được TGPL, đến quyền tiếp cận pháp luật, đến tình trạng Kinh - Thượng, sự phân hóa giàu nghèo đối với nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội và đoàn kết các tộc người để có được các quyết sách đúng đắn. Vì thế, đòi hỏi Đảng phải tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu để đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn phát triển đất nước, của địa phương và yêu cầu của xây dựng, tổ chức thực hiện và bảo vệ pháp luật, trong đó có pháp luật về TGPL.

*Hai là*, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với quá trình tổ chức và hoạt động TGPL. Đảng lãnh đạo tổ chức và hoạt động TGPL không phải là làm thay cho các chủ thể mà thông qua cương lĩnh, chiến lược, đường lối chính trị, nghị quyết, qua giáo dục chính trị - tư tưởng; bằng tổ chức bộ máy, cán bộ và đường lối, chính sách cán bộ; qua sự gương mẫu lao động sản xuất, tự mình vươn lên của cán bộ, đảng viên và các tổ chức Đảng, trên cơ sở điều lệ Đảng và qua công tác kiểm tra. Đảng lãnh đạo Nhà nước trong công tác thể chế hóa, xây dựng và hoàn thiện luật pháp; kiện toàn tổ chức bộ máy, đào tạo, sử dụng cán bộ. Biết phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu đi đầu trong tuân thủ, chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên, bảo đảm các tổ chức Đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao bản lĩnh chính trị, trau dồi chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp; bồi dưỡng phẩm chất đạo đức; phải tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng; phải hiểu để giải thích cho dân. Các cấp ủy Đảng cần xây dựng chương trình, kế hoạch, nghị quyết cụ thể để kịp thời hướng dẫn, triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản của cấp trên và tăng cường kiểm tra, giám sát trong việc tổ chức thực hiện.

*3.2.1.3. Xác định rõ trách nhiệm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền địa phương trong tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý*

Các cơ quan nhà nước cần rà soát, đánh giá đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, bám sát quan điểm, nội dung, tinh thần để thiết lập cơ chế tổ chức và hoạt động TGPL; tăng cường đưa pháp luật về TGPL vào cuộc sống. Phải biết

kết hợp chặt chẽ giữa TGPL với thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng; nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Nhà nước. Xác định rõ chủ thể chịu trách nhiệm chính; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm từng cơ quan nhà nước trong tổ chức và hoạt động TGPL để bảo đảm nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp theo nguyên tắc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật trong tổ chức và hoạt động TGPL. Các cơ quan dân cử và các cơ quan tư pháp phải đủ mạnh để có thể kiểm soát, phản biện chính sách, pháp luật mà chính quyền địa phương đề xuất. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, đề cao trách nhiệm của hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là chính quyền cấp xã để giải quyết thỏa đáng các vấn đề xã hội mới phát sinh. Đây phải là bộ máy giúp dân xóa mù về pháp luật, giúp dân tiếp cận pháp luật, giúp dân sử dụng quyền theo quy định pháp luật để xây dựng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân cũng góp phần ổn định cuộc sống, bảo vệ thành quả mà người dân làm ra, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

### ***3.2.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật***

*3.2.2.1. Về chế định tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý nhà nước, cần có lộ trình chuyển đổi các Trung tâm từ mô hình trực tiếp cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý sang mô hình quản lý nhà nước, điều phối nguồn lực về trợ giúp pháp lý*

Xây dựng theo hướng đây là giai đoạn chuyển tiếp các Trung tâm từ việc chủ yếu cung cấp dịch vụ TGPL hiện nay thành cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về TGPL. Ở Trung ương, cơ quan quản lý TGPL tiếp tục được kiện toàn về mặt tổ chức và chức năng, nhiệm vụ để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, giám sát và kiểm soát chất lượng TGPL. Ở địa phương, đối với các tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đội ngũ luật sư hành nghề trên địa bàn chưa thể đáp ứng nhu cầu TGPL thì vẫn duy trì Trung tâm, tăng cường năng lực cho các TGV pháp lý bảo đảm đủ trình độ, kỹ năng tham gia tố tụng; bố trí đủ kinh phí cho hoạt động TGPL. Đối với Trung tâm ở các tỉnh, thành phố có điều kiện xã hội hóa thực hiện việc chuyển thành cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về TGPL.

Việc tổ chức hệ thống TGPL theo hướng như trên sẽ nâng cao vị thế của hoạt động và tổ chức TGPL, từ đó phát huy mối quan hệ phối hợp, bảo đảm cơ chế vận hành có hiệu quả, thông suốt. Mặt khác, áp dụng mô hình này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, chỉ đạo chuyên ngành, thống nhất từ Trung ương đến địa phương, đồng thời khắc phục các hạn chế, bất cập trong công tác quản lý TGPL hiện nay. Với mô hình quản lý này cơ quan TGPL thực hiện kiểm tra kinh phí và hiệu quả triển khai nguồn kinh phí, chất lượng công việc được hiệu quả, sát sao. Hơn nữa, việc áp dụng theo mô hình này tổ chức, bộ máy sẽ giảm được các khâu trung gian, tinh gọn, do đó, sẽ giảm số lượng biên chế, giảm được chi lương và chi phí hành chính khác. Ngoài ra, mô hình này sẽ bảo đảm tính độc lập, ổn định của hoạt động TGPL; hạn chế sự phụ thuộc vào kinh phí và biên chế của chính quyền địa phương, nguồn nhân lực sẽ ổn định và chuyên nghiệp hơn, khắc phục tình trạng bị luân chuyển, điều động, bảo đảm sử dụng tốt nguồn tài chính được cấp. Do đó sẽ hạn chế sự can thiệp chủ quan của chính quyền địa phương, tạo sự độc lập, khách quan trong hoạt động nghề nghiệp của đội ngũ TGV pháp lý và luật sư khi bảo vệ cho các đối tượng TGPL tại các cơ quan tiến hành tố tụng. Mặt khác, mô hình này sẽ góp phần giải quyết vấn đề xung đột lợi ích trong các vụ án tố tụng hành chính mà đại diện Nhà nước ở địa phương là một bên tham gia tố tụng, hướng tới mục đích chung là bảo đảm hệ thống tư pháp công khai, minh bạch, bảo đảm công lý cho tất cả tổ chức, cá nhân trong xã hội.

*3.2.2.2. Về chế định người thực hiện TGPL, cần nghiên cứu theo hướng bao gồm trợ giúp viên pháp lý có đủ năng lực, kinh nghiệm và đội ngũ luật sư do Nhà nước ký hợp đồng ( thường xuyên hoặc vụ việc) thực hiện trợ giúp pháp lý, bảo đảm tiến tới chỉ có luật sư cung cấp dịch vụ TGPL ở giai đoạn sau năm 2025*

Chuyển đổi chức danh TGV pháp lý thành Luật sư hưởng lương Nhà nước và cụ thể hóa các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh này. Đồng thời, cần xã hội hóa mạnh mẽ, thu hút các tổ chức hành nghề luật sư có uy tín, luật sư có kinh nghiệm để cung cấp dịch vụ TGPL có chất lượng. Việc huy động được đội ngũ luật sư tham gia TGPL có thể thực hiện ở cơ chế ký hợp đồng. Bên cạnh việc ký hợp

đồng thực hiện TGPL theo vụ việc, Nhà nước sẽ ký hợp đồng thường xuyên với luật sư, nhằm tạo sự chủ động trong việc thực hiện TGPL, không hoàn toàn phụ thuộc vào sự tham gia TGPL của đội ngũ luật sư hành nghề trong thị trường dịch vụ pháp lý. Mặt khác, nếu sử dụng hình thức này sẽ tạo cơ hội cho TGV pháp lý có thể lựa chọn để chuyển đổi sang làm luật sư ký hợp đồng thường xuyên, bảo đảm quyền lợi cho những người đã cống hiến tâm sức và trí tuệ cho công tác này.

*3.2.2.3. Về chế định người được trợ giúp pháp lý cần nghiên cứu theo hướng mở rộng một số đối tượng*

+ Sửa đổi quy định trẻ em không nơi nương tựa được TGPL thành trẻ em và người chưa thành niên bị tước quyền tự do được TGPL nhằm phù hợp với chính sách bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em của Đảng và nhà nước .

+ Mở rộng quy định người dân tộc thiểu số sống ở nông thôn, miền núi đều được TGPL, bởi phần lớn đồng bào dân tộc thiểu số còn có nhiều khó khăn khi tiếp cận với pháp luật và trình độ dân trí thấp.

+ Mở rộng đối tượng được hưởng TGPL cho hộ cận nghèo, bởi hộ cận nghèo theo quy định hiện hành là hộ có thu nhập bình quân đầu người/ tháng cao hơn chuẩn nghèo chính sách ( theo quy định chuẩn nghèo chính sách từ 1 triệu đồng/người/tháng trở xuống tại thành thị và 800.000 đồng/người/tháng tại nông thôn đến mức sống tối thiểu từ 1,3 triệu đồng/người/tháng trở xuống ở thành thị và 1 triệu đồng/người/tháng tại nông thôn), nên thực tế còn rất nhiều khó khăn không kém người nghèo và đương nhiên họ cũng không có khả năng để tiếp cận với dịch vụ pháp lý có thu phí.

*3.2.2.4. Về chế định quản lý nhà nước trợ giúp pháp lý cần nghiên cứu theo hướng Nhà nước quản lý, điều phối nguồn lực và kiểm soát chất lượng TGPL*

Quản lý Nhà nước về TGPL là một nội dung quan trọng trong tổ chức và hoạt động TGPL, góp phần vào công cuộc cải cách tư pháp của đất nước. TGPL vừa là công cụ vừa là phương tiện để người dân thuộc các đối tượng yếu thế trong xã hội tiếp cận pháp lý, nâng cao hiểu biết pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bảo đảm công bằng xã hội, tăng cường pháp chế XHCN. Do đó tăng

cường công tác quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động TGPL là một trong những giải pháp để đảm bảo các cơ quan công quyền tuân thủ pháp luật, thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm của mình đối với nhân dân, hạn chế tình trạng tùy tiện, lạm quyền và vi phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước.

Vì vậy, cần tăng cường năng lực cơ quan làm công tác quản lý nhà nước về TGPL thực hiện các chức năng, nhiệm vụ sau: Kiểm tra thụ lý vụ việc TGPL; lựa chọn, cử luật sư thực hiện vụ việc TGPL; thẩm định chất lượng vụ việc TGPL, đề xuất kinh phí, chi trả kịp thời cho các vụ án bắt buộc có người bào chữa; ký hợp đồng vụ việc với luật sư thực hiện TGPL hoặc thẩm định chất lượng vụ việc.

#### *3.2.2.5. Hoàn thiện thể chế về trợ giúp pháp lý theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý*

Xã hội hóa TGPL là quá trình huy động các nguồn lực xã hội, phát huy vai trò của các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động TGPL, nhằm cung cấp các dịch vụ pháp lý miễn phí của nhà nước, đáp ứng yêu cầu và bảo vệ quyền và lợi ích của người được TGPL. Tuy nhiên để tổ chức và hoạt động TGPL ngày càng đi vào thực chất, đáp ứng nhu cầu TGPL của nhân dân, trong thời gian tới cần thực hiện các giải pháp sau:

*Một là, Về nguồn nhân lực:* Tổ chức và hoạt động TGPL cho các đối tượng yếu thế trong xã hội cần huy động sức mạnh tổng hợp các nguồn lực xã hội của hệ thống chính trị; trong đó Nhà nước phải giữ vai trò nòng cốt trong hoạt động TGPL; đồng thời có chính sách ưu đãi, khuyến khích xã hội hóa công tác TGPL, hỗ trợ, phát triển công tác TGPL, tăng cường số lượng và chất lượng luật sư, các tổ chức hành nghề luật sư có kinh nghiệm, đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp; các tổ chức hành nghề luật sư có uy tín đăng ký tham gia thực hiện TGPL theo hợp đồng đặt hàng của Nhà nước để thực hiện dịch vụ công. Nhà nước cần thực hiện rà soát, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động TGPL của các tổ chức hành nghề luật sư, Trung tâm tư vấn pháp luật, CTV đã đăng ký tham gia TGPL. Đồng thời, có chính sách vinh danh luật sư, tổ chức hành nghề luật sư tham gia TGPL. Ngoài ra, cần thiết phải thực hiện việc rà soát lại đội ngũ CTV TGPL, chấm dứt đối với

những CTV không hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả.

*Hai là, Đối với nguồn lực tài chính:* Trong điều kiện ngân sách nhà nước còn khó khăn, việc tranh thủ các nguồn lực tài chính do các cơ quan, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước tài trợ trực tiếp cho hoạt động TGPL là hết sức cần thiết. Cần đánh giá lại cơ cấu tổ chức, hoạt động của Quỹ TGPL Việt Nam nghiên cứu quy định xây dựng cơ chế kết nối, phối hợp với các Quỹ có cùng mục tiêu hoặc theo hướng là một quỹ tiền gửi, đồng thời có biện pháp khuyến khích các tổ chức kinh tế mọi thành phần hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất cho hoạt động TGPL; tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của các quốc gia và các tổ chức quốc tế cho hoạt động TGPL.

*3.2.2.6. Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện chính sách về đơn vị sự nghiệp không có thu hoạt động trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý phù hợp với định hướng phát triển các đơn vị sự nghiệp công lập của nhà nước*

Đề xuất nghiên cứu, xây dựng Luật TGPL (sửa đổi); Dự thảo Nghị định do Bộ Tư pháp xây dựng trình Chính phủ ban hành quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực dịch vụ pháp lý nghiên cứu cơ chế phù hợp đối với các loại hình dịch vụ công do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí nhằm khuyến khích, bảo đảm công bằng với các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác của Nhà nước. Trong phạm vi nghiên cứu đề xuất đề phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ chế cấp phát ngân sách đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, đề nghị Dự thảo Luật cũng như Nghị định xác định đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ TGPL miễn phí cho người được TGPL là đơn vị được thực hiện dịch vụ công do Nhà nước đặt hàng hoàn toàn, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo khung giá dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước quy định.

*3.2.2.7. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế về đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý và hiệu quả quản lý chất lượng dịch vụ trợ giúp pháp lý*

Theo hướng ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và sử dụng cơ sở dữ liệu để thực hiện quản lý chất lượng vụ việc TGPL sát sao; chứng nhận các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện đánh giá chất lượng và đề xuất mức chi thẩm định vụ việc, chi đánh giá chất lượng vụ việc TGPL; thực hiện thống kê TGPL và nghiên cứu, sửa

đôi Thông tư số 02/2013/TT-BTP ngày 05/01/2013 của Bộ Tư pháp ban hành Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc TGPL theo hướng đưa ra tiêu chuẩn về hình thức, quy trình, hiệu quả dịch vụ pháp lý.

### ***3.2.3. Giải pháp kiện toàn tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý***

*3.2.3.1. Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, nâng cao năng lực đội ngũ trợ giúp viên pháp lý với mục tiêu tinh gọn, hiệu quả, phù hợp*

Tổ chức bộ máy làm công tác TGPL cần được tập trung vào một đầu mối, hoạt động dựa vào pháp luật, tuân theo pháp luật. Các chính sách pháp luật về TGPL có thể do nhiều ngành chủ trì xây dựng nhưng khi đi vào tổ chức thực hiện cần giao cho một đầu mối tập trung đôn đốc, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện là chính quyền các cấp. Trong khi thực hiện, cần tổng hợp được các nguồn lực, có khả năng điều tiết, phân bổ hợp lý, công bằng, đúng đối tượng dựa trên các tiêu chí xác định. Cụ thể là:

*Thứ nhất*, Đối với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước: Sắp xếp bố trí cán bộ, viên chức của Trung tâm phù hợp với năng lực, chuyên ngành đào tạo, có kế hoạch đào tạo chuyên ngành pháp luật, đào tạo sau đại học, làm tốt công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo Trung tâm, lãnh đạo các phòng chuyên môn và trưởng các chi nhánh; đồng thời lựa chọn người có năng lực, đạo đức để bổ nhiệm giữ các vị trí chủ chốt của Trung Tâm, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch TGPL trên địa bàn được kịp thời, đạt chất lượng và hiệu quả.

Xây dựng Đề án vị trí việc làm tại Trung tâm TGPL, theo đó sắp xếp việc làm cho từng viên chức gắn liền với vị trí việc làm nhất định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, đảm bảo tinh gọn bộ máy, phát huy năng lực chuyên môn của mỗi cán bộ, viên chức Trung tâm.

*Thứ hai*, Đối với Chi nhánh trợ giúp pháp lý: Rà soát, đánh giá lại chất lượng hoạt động của các chi nhánh TGPL, qua đó có kế hoạch sắp xếp lại các chi nhánh phù hợp với nhu cầu TGPL của nhân dân, đảm bảo không thành lập chi nhánh mới,



quan tâm đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của chi nhánh. Bố trí đủ TGV pháp lý cho các chi nhánh; chấm dứt giải thể các chi nhánh không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

*Thứ ba*, Đối với Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý: Tổ chức khảo sát nhu cầu TGPL của người dân tại cơ sở, trên cơ sở đó Trung tâm TGPL phối hợp với UBND cấp xã rà soát, củng cố, kiện toàn các câu lạc bộ TGPL trên địa bàn. Đề nghị giải thể các câu lạc bộ TGPL hoạt động kém hiệu quả, tiến hành thành lập mới câu lạc bộ TGPL tại địa điểm người dân thật sự có nhu cầu TGPL. Để câu lạc bộ hoạt động có hiệu quả, Trung tâm TGPL cần chọn thành viên Ban chủ nhiệm câu lạc bộ là những người uy tín, có trình độ am hiểu pháp luật để phổ biến, tuyên truyền giải đáp pháp luật liên quan đến yêu cầu TGPL của người dân địa phương. Ngoài ra, hàng năm Trung tâm TGPL thường xuyên cử trợ giúp viên, cộng tác viên tham gia buổi sinh hoạt câu lạc bộ TGPL để trực tiếp hướng dẫn nội dung, phương pháp tổ chức sinh hoạt cho các câu lạc bộ đảm bảo tính hiệu quả, đồng thời trực tiếp chia sẻ hiểu biết, tranh chấp, vướng mắc về pháp luật trong cộng đồng để mọi người được tham gia, nêu ý kiến; trao đổi tâm tư, nguyện vọng, vướng mắc để được tư vấn, hướng dẫn ngay từ đầu.

*Thứ tư*, Đối với đội ngũ công chức, viên chức của Trung tâm TGPL, TGV pháp lý, cộng tác viên, tuyên truyền viên: Có năng lực, phẩm chất, có tâm và có tầm; có ý thức tôn trọng, tuân thủ và thi hành pháp luật nghiêm chỉnh, thống nhất. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải biết tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, phụng công thủ pháp; chí công vô tư và là tấm gương sáng trong tổ chức và hoạt động TGPL; Mỗi người phải là một trợ giúp viên pháp lý, tư vấn viên pháp luật, tuyên truyền viên tích cực, sâu sát, nắm vững pháp luật thuộc phạm vi chức trách; thường xuyên nắm bắt tâm tư nguyện vọng của dân, học dân, hiểu dân, kiên trì vận động, thuyết phục nhân dân tuân thủ và chấp hành pháp luật, nêu gương sáng trong việc tự mình vươn lên trong tìm hiểu, học tập, sử dụng pháp luật; kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng của dân lên cấp trên. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải yêu nghề, say nghề, toàn tâm, toàn ý và có trách nhiệm đối với nghề nghiệp.

*3.2.3.2. Hoàn thiện cơ chế cung cấp thông tin pháp luật, đổi mới và tăng cường các hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về trợ giúp pháp lý*

Hoàn thiện cơ chế cung cấp thông tin các văn bản pháp luật mới được ban hành một cách linh hoạt, sáng tạo; phù hợp với điều kiện và khả năng tiếp cận của người được TGPL và các chủ thể. Đa dạng hóa hình thức cung cấp thông tin pháp luật qua tờ rơi, tờ gấp bằng các loại chữ phổ thông và chữ dân tộc thiểu số về TGPL gửi tới từng hộ gia đình thuộc diện TGPL thay vì in ấn và cấp phát đại trà như hiện nay; phát hành băng đĩa để phát thanh, truyền hình rộng rãi đến với người được TGPL. Thiết lập các đường dây nóng, miễn phí để người được TGPL kịp thời phản ánh, nắm bắt, tháo gỡ vướng mắc pháp luật; tăng cường xét xử lưu động và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế cộng đồng khác phù hợp với đặc điểm của người được TGPL. Tiếp tục tăng cường và đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, cung cấp thông tin về hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tổ chức và hoạt động TGPL và các chủ thể theo hướng trực quan gắn với đời sống hàng ngày của người được TGPL. Các văn bản pháp luật sau khi được ban hành phải được thông tin rộng rãi, công khai đến với mọi người, đặc biệt là người được TGPL trước khi có hiệu lực pháp luật và được đưa ra thi hành. Cần hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật của trung ương và địa phương, vận dụng tối đa thành tựu của công nghệ thông tin trong đăng tải các văn bản, bảo đảm thông tin đầy đủ, toàn diện, chính xác, dễ tiếp cận, tra cứu, khai thác và sử dụng; tạo thuận lợi để người được TGPL tiếp cận, khai thác, sử dụng miễn phí. Thường xuyên rà soát, hệ thống hóa, công bố danh mục các văn bản hết hiệu lực; sắp xếp các văn bản pháp luật theo chủ đề, được chú dẫn cụ thể để thuận tiện trong tra cứu, khai thác và sử dụng, để người được TGPL nắm bắt ngay tại một thời điểm, văn bản nào đang còn hiệu lực và sẽ được áp dụng cho sự kiện, tình huống pháp lý nhất định, tạo thuận lợi để người được TGPL kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tránh tùy tiện, lạm dụng quyền lực nhà nước để vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của cộng đồng và của người được TGPL. Các chính sách về TGPL và quá trình tổ chức thực hiện cần phải được công

khai trong cộng đồng để đưa thông tin trực tiếp và đầy đủ cho mọi người, nhất là người được TGPL. Việc tổ chức các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cần tránh thời điểm mùa vụ hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động lao động sản xuất của người được TGPL; chú trọng lồng ghép phổ biến, giáo dục pháp luật với sinh hoạt văn hóa, lễ hội truyền thống và các hình thức khác phù hợp với người được TGPL.

Nâng cao vai trò của các cơ quan hành chính nhà nước và các cơ quan tiến hành tố tụng trong phổ biến, giáo dục pháp luật đến với nhân dân và người được TGPL trong quá trình thực thi công vụ, trong hướng dẫn người được TGPL tiếp cận các tổ chức thực hiện TGPL để được hỗ trợ, giúp đỡ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và tìm hiểu pháp luật. Tạo lập thói quen thượng tôn pháp luật trong đời sống công quyền kết hợp với đề cao đạo đức, xác định rõ trách nhiệm trong thực thi công vụ của mỗi cán bộ, công chức, viên chức. Bởi lẽ, cho dù pháp luật điều tiết công quyền có hoàn hảo đến đâu mà không có sự tự giác tuân thủ của các cán bộ, công chức, viên chức thì nó cũng trở thành vô nghĩa. Do vậy, sự tu dưỡng đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức rất có ý nghĩa trong kiểm soát họ làm việc theo pháp luật, không vi phạm pháp luật.

*3.2.3.3. Khuyến khích, huy động các nguồn lực, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và cộng đồng trong tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý*

Khuyến khích, có chính sách thúc đẩy ra đời và phát triển mạng lưới tổ chức xã hội tham gia hoạt động TGPL hoặc vì người được TGPL, đặc biệt là các Hội nhân đạo, từ thiện, tương thân, tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ người được TGPL về kinh tế, pháp luật và mục đích khác. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân; Công đoàn, Hội Luật gia, Liên đoàn Luật sư, Hội Bảo trợ Tư pháp cho người nghèo. Thực tế cho thấy tranh thủ được sự hỗ trợ của các tổ chức này đã phát huy tối đa được nguồn lực tham gia TGPL; hỗ trợ đặc lực cho Trung Tâm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Phát triển mạng lưới tổ chức hành nghề luật sư, tư vấn pháp luật và cá nhân có đủ tiêu chuẩn tham gia thực hiện, hỗ trợ hoặc đóng góp cho hoạt động TGPL, giúp đỡ người được TGPL tìm hiểu pháp luật; sử dụng pháp luật để thực hiện

quyền, nghĩa vụ, đáp ứng nhu cầu dịch vụ pháp lý của người được TGPL và các chủ thể khác. Khuyến khích, huy động các tổ chức này tham gia cung ứng dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được TGPL, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kịp thời hỗ trợ cơ quan tư pháp, cơ quan nhà nước khi người được TGPL thực hiện quyền, nghĩa vụ.

Phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng để hỗ trợ, giúp đỡ người được TGPL ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất. Vận động người được TGPL nghiêm chỉnh tuân thủ, chấp hành pháp luật. Biết và nắm được địa chỉ của các thiết chế hỗ trợ thi hành pháp luật để kịp thời tìm đến khi có nhu cầu.

*3.2.3.4. Đổi mới cơ chế tài chính với Trung tâm, chủ trọng nguồn kinh phí chi cho các hoạt động nghiệp vụ của Trung tâm; tăng cường các biện pháp bảo đảm khác để Trung tâm trợ giúp pháp lý phát triển ổn định, bền vững*

Hiện nay, Trung tâm TGPL được xác định là đơn vị sự nghiệp công lập, không có nguồn thu, kinh phí hoạt động thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ, được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, Luật TGPL chưa quy định về nguồn tài chính cho công tác TGPL nhằm đảm bảo tính chủ động và phát triển bền vững trong công tác TGPL, nên ngân sách địa phương chủ yếu tập trung chi cho con người ( lương, phụ cấp của TGV pháp lý, chuyên viên pháp lý), ngân sách nhà nước chỉ chi bồi dưỡng một phần khiêm tốn so với công sức, trí tuệ, thời gian mà họ đã bỏ ra để thực hiện TGPL ( 50.000đồng – 100.000đồng/1vụ việc tư vấn phức tạp bằng văn bản; 0,2 tháng lương tối thiểu/1ngày tham gia tố tụng). Vì lẽ đó mà kinh phí dành để chi bồi dưỡng vụ việc TGPL (có tính chất đặc thù) chiếm tỷ lệ không đáng kể so với lượng kinh phí ngân sách cấp cho các Trung tâm TGPL.

Để việc sử dụng tài chính làm đòn bẩy nâng cao chất lượng vụ việc, thúc đẩy xã hội hóa TGPL, cần phải : “ *Nhà nước quy định giá hoặc khung giá sản phẩm, dịch vụ đối với các loại dịch vụ cơ bản, có vai trò thiết yếu đối với xã hội; từng bước tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý trong giá dịch vụ sự nghiệp, phù hợp với thị trường và khả năng của ngân sách nhà nước; thực hiện có lộ trình việc*

*xóa bỏ bao cấp qua giá, phí dịch vụ sự nghiệp công” [8], trên cơ sở đó, mở rộng hoạt động dịch vụ của Trung tâm TGPL; chuyển đổi cơ chế tài chính việc giao dự toán ngân sách cho Trung tâm như hiện nay sang phương thức đặt hàng, kể cả các chính sách TGPL theo mục tiêu mang tính đặc thù có thể đưa ra định giá và đấu thầu theo quy định*

*3.2.3.5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, xử lý vi phạm, nâng cao chất lượng giám sát tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý*

Việc lập ra cơ quan thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ, chấp hành Hiến pháp và pháp luật hiện nay là khách quan bởi nhu cầu giám sát, phát hiện các trường hợp không chấp hành luật, làm trái luật, vi phạm luật là rất lớn. Xây dựng hệ thống cơ quan và thiết lập cơ chế giám sát này là thiết thực củng cố trật tự pháp luật sau khi được ban hành, nhất là khi ngành kiểm sát không còn chức năng kiểm sát chung, trong khi các cơ quan dân cử chưa điều chỉnh chức năng để tăng cường giám sát việc chấp hành pháp luật. Đổi mới công tác quản lý về người được TGPL, tập trung vào một đầu mối. Làm tốt chế độ thống kê, báo cáo, sơ kết, tổng kết khen thưởng, xử lý vi phạm; kịp thời phát hiện, nhân rộng điển hình, việc làm hay; điều chỉnh kịp thời và khắc phục, sửa chữa bất cập, vướng mắc, mâu thuẫn, chông chéo của chính sách pháp luật đối với người được TGPL và hoạt động áp dụng pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền; nâng cao năng lực các thiết chế thực thi pháp luật đối với người được TGPL, tạo thuận lợi cho người được TGPL tiếp cận với cơ quan công quyền, nhất là các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Chú trọng giám sát việc tổ chức và hoạt động TGPL từ phía các cơ quan dân cử, đoàn thể nhân dân và cơ quan thông tin, truyền thông để cho pháp luật đến với người được TGPL được thực thi nghiêm chỉnh, thống nhất. Quá trình giám sát cần có trọng tâm, trọng điểm, được tiến hành thường xuyên, liên tục, dựa vào nhân dân, lắng nghe đầy đủ tâm tư, nguyện vọng và phản ánh của nhân dân. Sau giám sát, cần xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng khâu, phải thường xuyên kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau giám sát; xác định rõ cơ chế trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện không nghiêm túc các kiến nghị. Kết

hợp chặt chẽ giữa giám sát của cơ quan dân cử với các đoàn thể nhân dân và công tác kiểm tra của Đảng, công tác thanh tra của Nhà nước và thanh tra nhân dân.

#### ***3.2.4. Giải pháp riêng cho tổ chức và hoạt động Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Gia Lai***

Tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL tại tỉnh Gia Lai, một tỉnh Tây Nguyên có diện tích rộng đứng thứ 2 Việt Nam, với 222 xã trong đó có 58 xã nghèo, 74 xã đặc biệt khó khăn và 245 thôn, làng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh với 35 cộng đồng dân tộc cùng sinh sống, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm gần 44% dân số toàn tỉnh có ý nghĩa quan trọng trong việc đề ra những nội dung, hình thức, giải pháp thiết thực, nhằm nâng cao hiệu quả việc hoạt động TGPL của các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Do đó cần thực hiện tốt các nhóm giải pháp sau:

3.2.4.1. Trong bối cảnh tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy thì yêu cầu đặt ra là phải sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, viên chức hiện có trong số biên chế được giao nói chung và trợ giúp viên pháp lý nói riêng, do đó cần có biện pháp điều chỉnh cách thức tổ chức nguồn lực TGPL hiện nay cho hiệu quả phù hợp với yêu cầu công việc, chính sách về dịch vụ công. Những nơi xa Trung tâm không nhất thiết phải duy trì Chi nhánh nếu nhu cầu TGPL ở nơi đó chưa cao, nguồn lực trợ giúp viên pháp lý và cơ sở vật chất chưa đầy đủ.

3.2.4.2. Nâng cao chất lượng dịch vụ do người thực hiện TGPL của Nhà nước cung cấp bằng việc bổ sung các quy định về trợ giúp viên pháp lý bảo đảm tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ hàng nghề nhất là khi tham gia vào vụ việc tố tụng đảm bảo để người thuộc diện TGPL được hưởng dịch vụ có chất lượng. Xác định rõ trách nhiệm, cơ chế phối hợp thực hiện TGPL trong hoạt động tố tụng tạo điều kiện cho người thuộc diện TGPL được giải thích, hướng dẫn đến tổ chức thực hiện TGPL và điều kiện thuận lợi để trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

3.2.4.3. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về TGPL bao gồm hoàn thiện hệ thống pháp luật giải quyết thỏa đáng các vấn đề xã hội, đặc biệt là người được TGPL

trong việc tiếp cận pháp luật và sử dụng pháp luật; hoàn thiện chính sách ưu đãi đối với cá nhân, tổ chức thực hiện TGPL và người được TGPL phù hợp với từng nhóm đối tượng thụ hưởng dịch vụ TGPL và điều kiện của từng vùng, địa bàn; nâng cao chất lượng rà soát, hệ thống hóa, pháp điển hóa pháp luật về TGPL, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi và toàn diện.

3.2.4.4. Đề cao trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm kinh phí trong tổ chức và hoạt động TGPL và các quỹ hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế ... để đảm bảo thực hiện tốt hơn nữa pháp luật về TGPL miễn phí cho người được TGPL của Tỉnh Gia Lai.

3.2.4.5. Lựa chọn sử dụng các hình thức truyền thông về hoạt động TGPL phù hợp với các đối tượng TGPL, tập trung làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, pháp luật về TGPL miễn phí cho người được TGPL và đến mọi tầng lớp nhân dân.

### **Kết luận Chương 3**

Từ nhu cầu cấp thiết của việc đổi mới tổ chức và hoạt động TGPL, dựa trên những quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, học viên đã đề xuất một số giải pháp gồm nhóm giải pháp chung và riêng cho tỉnh Gia Lai, trong đó nhấn mạnh đến yếu tố hoàn thiện pháp luật, cần nghiên cứu theo hướng đổi mới vai trò của Nhà nước, có lộ trình chuyển đổi các Trung tâm từ mô hình trực tiếp cung cấp dịch vụ TGPL sang mô hình quản lý nhà nước, điều phối nguồn lực về TGPL; xã hội hóa hoạt động TGPL. Về đổi mới kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ với mục tiêu tinh gọn, hiệu quả phù hợp với thực tiễn; Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xác định rõ trách nhiệm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền địa phương trong tổ chức và hoạt động TGPL. Đối với tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL, học viên đề xuất đổi mới xây dựng cơ chế lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện TGPL và đánh giá chất lượng vụ việc TGPL; Chú trọng nguồn kinh phí chi cho các hoạt động nghiệp vụ của Trung tâm; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, xử lý vi phạm; Đổi mới công tác truyền thông, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò tổ chức và hoạt động TGPL.

## KẾT LUẬN

Có thể nói, TGPL là chủ trương, chính sách lớn của Đảng và nhà nước ta trong điều kiện Đảng và Nhà nước ta đang phấn đấu xây dựng một NNPQXHCN, của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Với mục tiêu là nâng cao hiểu biết pháp luật cho người dân, tạo điều kiện cho các “nhóm xã hội yếu thế” để họ tiếp cận pháp luật, tạo ra cơ chế công bằng trong mỗi công dân khi thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đồng thời, công tác TGPL cũng góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên cường quốc tế trong việc bảo vệ nhân quyền, phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới.

Tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL ở nước ta trong thời gian qua đã có những bước phát triển mạnh mẽ, góp phần hiện thực hoá các quy định của pháp luật, biến các quy định ấy từ văn bản thành cách xử sự thực tế hợp pháp của các chủ thể khi tham gia vào những quan hệ pháp luật cụ thể, khẳng định quyết tâm chính trị của Đảng ta trong việc bảo đảm quyền được tiếp cận với pháp luật của nhóm người yếu thế trong xã hội, phù hợp với truyền thống, đạo lý của dân tộc Việt Nam “*lá lành đùm lá rách*”, “*đền ơn đáp nghĩa*”; thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta trong việc thực hiện dân chủ, hướng về cơ sở, gần dân, tạo thuận lợi cho dân trong tiếp cận pháp luật, góp phần nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân, xây dựng tinh thần “*sống và làm việc theo pháp luật*”. Đồng thời thực hiện nhất quán quan điểm quản lý xã hội bằng pháp luật, bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật và phù hợp với xu thế phát triển của cộng đồng quốc tế.

Từ việc tiếp cận những vấn đề lý luận, các tài liệu tham khảo đến khái quát nội dung cơ bản của tổ chức và hoạt động TGPL, đặc biệt Luận văn nhấn mạnh đến thực trạng tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL tại tỉnh Gia Lai hiện nay cho thấy, về cơ bản đã đạt được mục tiêu đề ra, góp phần đưa pháp luật vào cuộc sống, trở thành cầu nối giữa chính quyền với nhân dân, góp phần khắc phục những vướng mắc, bất cập trong hoạt động công vụ, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, giữ gìn đoàn kết cộng đồng, bảo vệ nhóm người yếu thế trong xã hội như: người nghèo, phụ nữ,



trẻ em, người già cô đơn không nơi nương tựa..., góp phần mang lại những tác động tích cực trong thực hiện cải cách tư pháp trên địa bàn Tỉnh Gia Lai. Thêm vào đó, tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL có vai trò củng cố, bảo vệ và phát triển các giá trị đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Theo tâm lý chung, người dân rất “ngại” kiện tụng. Do vậy, hoạt động hòa giải cơ sở gắn với TGPL là hình thức được người dân ủng hộ bởi nó phù hợp cả về cơ sở pháp lý và cả về cơ sở đạo đức xã hội. Từ đó những giá trị đạo đức được củng cố, sự đồng thuận xã hội cũng từ đó được tăng cường. Đạt được những kết quả trên là do có sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, sự chỉ đạo về nghiệp vụ của Bộ Tư pháp, sự tích cực tham mưu và triển khai thực hiện TGPL của Sở Tư pháp, sự phối hợp tích cực, chặt chẽ và có hiệu quả của các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, ban ngành có liên quan. Đặc biệt là sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ, viên chức Trung tâm TGPL tỉnh Gia Lai quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ TGPL tại địa phương.

Với những kết quả trên đây, có thể khẳng định, sau 19 năm triển khai công tác TGPL đã mang lại những hiệu quả tích cực nhất định. Khoảng thời gian đó tuy không dài so với lịch sử hoạt động TGPL vài trăm năm của các nước đã phát triển cũng như bề dày truyền thống 71 năm của ngành Tư pháp Việt Nam nhưng những kết quả mà công tác TGPL mang lại đã chứng minh chủ trương của Đảng về việc thành lập và phát triển hoạt động TGPL ở nước ta là đúng đắn, kịp thời, phù hợp với nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước và xu thế thời đại.

Tuy nhiên, ngoài đánh giá một số kết quả đạt được luận văn cũng chỉ rõ tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế đòi hỏi phải tiếp tục được hoàn thiện, đổi mới cho phù hợp với điều kiện thực tiễn. Do đó, việc đánh giá đúng thực trạng làm căn cứ để xây dựng các quan điểm, đề xuất các nhóm giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL đang là vấn đề hết sức cần thiết ở Tỉnh Gia Lai nói riêng cả nước nói chung trong những năm tiếp theo, nâng cao hơn nữa niềm tin của người dân vào pháp luật, vào Đảng và Nhà nước góp phần xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh như đã trình bày tại chương 3./.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*.
3. Ban chấp hành Trung ương Đảng ( 2013), *kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 về một số vấn đề để tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở*, Hà Nội.
4. Ban chấp hành Trung ương Đảng ( 2013), *Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/5/2013 một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020*, Hà Nội.
5. Ban chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương (2014), *Báo cáo tổng kết 08 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*.
7. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
8. Bộ Chính trị (2011), *Thông báo số 37-TB/TW ngày 26/5/2011 Kết luận về Đề án đổi mới cơ chế hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công*, Hà Nội.
9. Bộ Tư pháp (2008), *Quyết định 734/TTg ngày 06/09/1997 Về việc thành lập tổ chức TGPL cho người được TGPL*.
10. Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Toà án nhân dân tối cao (2007), *Thông tư liên tịch 10/2007/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/12/2007 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về TGPL trong hoạt động tố tụng*.

11. Bộ tư pháp (2016), *Báo cáo số 158/BC-BTP ngày 30/6/2016 tổng kết 08 năm thi hành Luật Trợ giúp pháp lý.*
12. Bộ Tư pháp (2011), *Thông tư 07/2011/TT-BTP ngày 31/03/2011 hướng dẫn bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức cán bộ và hoạt động TGPL.*
13. Bộ Tư pháp (2013), *Thông tư số 02/2013/TT-BTP ngày 05/01/2013 ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc TGPL, Hà Nội.*
14. Chính phủ ( 2007), *Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TGPL, Hà Nội.*
15. Chính phủ (2008), *Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật, Hà Nội.*
16. Chính phủ (2015), *Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Hà Nội.*
17. Chính phủ (2014), *Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giảm biên chế, Hà Nội.*
18. Chính phủ (2013), *Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05/02/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật TGPL, Hà Nội.*
19. Cù Thu Anh (2013), *Hoàn thiện pháp luật về TGPL ở Việt Nam, Luận văn thạc sỹ.*
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.*
21. Đại hội đồng liên hiệp quốc (1948), *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người*
22. Đại hội đồng liên hiệp quốc (1966), *Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị.*
23. Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Ngoại ngữ (1998), *Từ điển Anh – Việt, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.1072.*
24. Liên đoàn Luật sư Việt Nam (2013), *Báo cáo tổng hợp sơ kết 02 năm thực hiện chiến lược phát triển TGPL tại Việt Nam.*
25. Liên đoàn Luật sư Việt Nam (2014), *Quyết định số 93/QĐ – BTV quy định nghĩa vụ thực hiện TGPL của Luật sư, Hà Nội.*
26. Lê Khả Kế (1997), *Từ điển Anh- Việt, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.*

27. Nguyễn Văn Đạm (1999), *Từ điển tường giải và liên tưởng tiếng việt*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
28. Phan Hòa Hiệp (2010), *Quản lý nhà nước đối với hoạt động TGPL*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh.
29. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (2005), *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 1,2,3,4, NXB từ điển bách khoa, Hà Nội.
30. Nguyễn Quốc Hùng (1967), *Hán Việt tân từ điển*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn.
31. Vũ Trọng Hùng, Nguyễn Đăng Dung, Vũ Trọng Khải, Phan Thăng (2009), *Từ điển pháp luật Anh – Việt – legal Dictionary English- Vietnamese*, NXB Hồng Đức, TP. Hồ Chí Minh.
32. Nguyễn Lâm (2000), *Từ điển từ và ngữ Việt Nam*, NXB TP. Hồ Chí Minh.
33. Đỗ Xuân Lâm (2012) “Định hướng phát triển bền vững công tác TGPL đến năm 2020”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, ( Số chuyên đề).
34. Trần Huy Liệu (2005), “Một số vấn đề về TGPL cho người được TGPL”, *Thông tin Khoa học pháp lý*.
35. Tạ Thị Minh Lý (2005), “ Bàn về khái niệm TGPL”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (10).
36. Tạ Minh Lý (2006), “Khái niệm TGPL một số vấn đề cần bàn thêm”, *Đặc san TGPL*.
37. Tạ Minh Lý (2008), *Điều chỉnh pháp luật về TGPL ở Việt Nam trong điều kiện đổi mới*, Luận án tiến sĩ luật học.
38. Nguyễn Thành Minh ( chủ biên), *Từ điển pháp luật Anh – Việt*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1998
39. Nguyễn Bích Ngọc (2012), *Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động TGPL*, Luận văn Thạc sỹ luật học.
40. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước cộng hòa XHCN Việt Nam*, Hà Nội.
41. Quốc hội (2006), *Luật TGPL*, Hà Nội.
42. Quốc hội (2012), *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
43. Quốc hội (2013), *Luật Hòa giải ở cơ sở*, Hà Nội.

44. Quốc hội (2012), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Luật sư*, Hà Nội.
45. Nguyễn Hữu Quỳnh – Chủ nhiệm công trình (1999), *Từ điển Luật học*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
46. Sở Tư pháp (2015), *Quyết định số 15/QĐ-STP ngày 26/01/2015 của Sở Tư Pháp tỉnh Gia Lai về phân bổ chỉ tiêu biên chế sự nghiệp nhà nước năm 2015*.
47. Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai (2015), *Báo cáo số 23/STP ngày 12/3/2015 của Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai báo cáo kết quả công tác quản lý Luật sư, Giám định tư pháp*.
48. Thủ tướng Chính phủ (1997), *Quyết định số 734/TTg ngày 06/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tổ chức TGPL*, Hà Nội.
49. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 23/6/2008 về việc phê duyệt Đề án “Quy hoạch mạng lưới của Trung tâm TGPL nhà nước và chi nhánh của Trung tâm, giai đoạn 2008-2010, định hướng đến năm 2015”*, Hà Nội
50. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 quyết định về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020*, Hà Nội.
51. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 về việc phê duyệt chiến lược phát triển TGPL ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
52. Trung ương Hội luật gia Việt Nam (2013), *Báo cáo về 02 năm triển khai thực hiện chiến lược phát triển TGPL tại Việt Nam*, Hà Nội.
53. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 1072/QĐ-TTg ngày 5/7/2011 ban hành Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020*, Hà Nội.
54. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg ngày 18/8/2010 về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo giai đoạn 2011-2020*, Hà Nội.
55. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg ngày 24/12/2012 về chính sách TGPL cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013-2020*, Hà Nội.

56. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 01/6/2015 về phê duyệt Đề án đổi mới công tác TGL giai đoạn 2015-2025.*
57. Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Gia Lai (2010), *Báo cáo số 31/BC TGPL ngày 14/5/2010 của Trung tâm TGPL về kết quả khảo sát nhu cầu TGPL.*
58. Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Gia Lai (2011), *Báo cáo số 51/BC-TGPL ngày 29/12/2011 của Trung tâm TGPL về công tác TGPL năm 2011*
59. Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Gia Lai (2012), *Báo cáo số 57/BC-TGPL ngày 29/12/2012 của Trung tâm TGPL Báo cáo công tác TGPL năm 2012.*
60. Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Gia Lai (2014), *Báo cáo số 02/BC-TGPL ngày 02/01/2014 của Trung tâm TGPL báo cáo công tác TGPL năm 2013.*
61. Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Gia Lai (2015), *Báo cáo số 03/BC-TGPL ngày 14/01/2015 của Trung tâm TGPL báo cáo công tác TGPL năm 2014.*
62. Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Gia Lai (2016), *Báo cáo số 04/BC-TGPL ngày 19/01/2016 của Trung tâm TGPL báo cáo công tác TGPL năm 2015.*
63. Nguyễn Văn Tùng (2007), *Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với hoạt động TGPL ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
64. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (2009), *Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 10/7/2009 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Đề án hoàn thiện về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL nhà nước theo Luật TGPL và các văn bản hướng dẫn thi hành.*
65. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (2010), *Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập Trung tâm TGPL nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai.*
66. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (2010), *Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 20/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai sơ kết 02 năm thực hiện Đề án quy hoạch mạng lưới Trung tâm TGPL nhà nước và chi nhánh Trung tâm trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*
67. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (2012), *Quyết định số 71/QĐ-UBND của UBND*

*tỉnh Gia Lai ngày 24/ 02/ 2012 về việc ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện Chiến lược phát triển TGPL trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.*

68. Văn phòng Trung ương Đảng ( 1995), *Thông báo số 485/CV-VPTW ngày 31/5/1995 về ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư đối với Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật*, Hà Nội.
69. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý- Bộ Tư pháp (1999), *Mô hình tổ chức và hoạt động TGPL, phương hướng thực hiện trong điều kiện hiện nay*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
70. Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, 2004.
71. Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển bách khoa-Nxb Tư pháp, Hà Nội.
72. Vietlex - Trung tâm Từ điển học (2011), *Từ điển tiếng Việt (Có chú chữ Hán cho từ ngữ Hán - Việt)*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội.
73. Nguyễn Vinh (2010), “Cần hoàn thiện thể chế và các giải pháp để hoạt động TGPL phát triển bền vững”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, (Số chuyên đề).
74. Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*”, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

#### **Nước ngoài**

75. Community Legal Service (2012), *A Step-by-Step Guide to Legal Aid-Help with paying for civil cases*, The Legal Services Commission (LSC) and The Ministry of Justice (MOJ).
76. Oxford University press (1997), *Oxford advanced learner’s dictionary - 7<sup>th</sup> edition*, China, page 877.

#### **Website:**

77. APPG on Legal Aid (2016, truy cập ngày 03 tháng 10), *About Legal Aid*, lấy từ APPG-All Party Parliamentary Group On Legal Aid, web site: [http://www.appg-legalaid.org/index.php?option=com\\_content&view=article&id=52&Itemid=63](http://www.appg-legalaid.org/index.php?option=com_content&view=article&id=52&Itemid=63).
78. Cục TGPL (2016, truy cập ngày 03 tháng 10), Giới thiệu: Lịch sử phát triển:

- Quá trình ra đời và phát triển của TGPL* (2011), lấy từ TGPL Việt Nam, web site:<http://tGPL.gov.vn/qua-trinh-ra-doi-va-phat-trien-cua-tro-giup-phap-ly-newsview.aspx?cate=137&id=116>.
79. European Commission(2016, truy cập ngày 03 tháng 10), *Legal aid: Legal aid - Germany*, lấy từ European Judicial Network-in civil and commercial matters,web site: [http://ec.europa.eu/civiljustice/legal\\_aid/legal\\_aid\\_ger\\_en.htm](http://ec.europa.eu/civiljustice/legal_aid/legal_aid_ger_en.htm).
80. Government of Singapore (2016, truy cập ngày 03 tháng 10), *About LAB: History*, lấy từ Legal Aid Bureau-Ministry of law/Aminlaw agency, web site:<http://app2.lab.gov.sg/AboutLAB/History/tabid/338/Default.aspx>.
81. Government of the United Kingdom (2016, truy cập ngày 03 tháng 10), *Home:Jobseeker's Allowance and low income benefits: Legal aid*, lấy từ GOV.UK, web site: <https://www.gov.uk/legal-aid>.
82. UBND tỉnh Gia Lai - Công thông tin điện tử (2016, truy cập ngày 03/10), Giới thiệu: *Lịch sử hình thành* lấy từ [gialai.gov.vn](http://gialai.gov.vn), website:<http://gialai.gov.vn/Pages/glp-intro-lichsuinhthanh-glpstatic-7-glpdyn-0-glp-site-1.html>.
83. Oxford University Press 2011(2012, truy cập ngày 11 tháng 12), *Definition of legal aid noun from the Oxford Advanced American Dictionary*, lấy từ Oxford Advanced AmericanDictionary,website:<http://oaadonline.oxfordlearnersdictionaries.com/dictionary/legal+aid>.
84. Wikipedia (2016, truy cập ngày 03 tháng 10), *Legal aid*, lấy từ Wikipedia the free encyclopedia, web site: [http://en.wikipedia.org/wiki/Legal\\_aid](http://en.wikipedia.org/wiki/Legal_aid).
85. Wikipedia (2016, truy cập ngày 03 tháng 10), *Legal Aid Bureau*, lấy từ Wikipedia the free encyclopedia, web site: [http://en.wikipedia.org/wiki/Legal\\_Aid\\_Bureau](http://en.wikipedia.org/wiki/Legal_Aid_Bureau).
86. Wikipedia (2016, truy cập ngày 03 tháng 10),*Gia Lai*, lấy từ Wikipedia the free encyclopedia, web site:[http://vi.wikipedia.org/wiki/Gia\\_Lai](http://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_Lai).





## ***Phụ lục 2***

### **Sơ đồ cơ cấu, tổ chức trung tâm trợ giúp pháp lý**



**Phụ lục 3**

**Số lượng công chức, viên chức được bố trí nhiệm vụ công tác tại các bộ phận cụ thể tại Trung tâm trợ giúp pháp lý năm 2015**

<b>ST T</b>	<b>PHÒNG, BAN</b>	<b>SỐ LƯỢNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>
01	Lãnh đạo	<b>02 người</b> (02 trợ giúp viên pháp lý: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc kiêm phụ trách Phòng HC - TH)
02	Hành chính - Tổng hợp	<b>04 người</b> (02 chuyên viên, 01 kế toán, 01 văn thư )
03	Nghiệp vụ	<b>05 người</b> (01 TGV pháp lý: Trưởng phòng; 02 chuyên viên)
04	Chi nhánh số 1	<b>02 người</b> (02 chuyên viên)
05	Chi nhánh số 2	<b>02 người</b> (01 TGV pháp lý, 01 chuyên viên)
06	Chi nhánh số 3	<b>02 người</b> (01 TGV pháp lý, 01 chuyên viên )
<b>Biên chế hiện có/Tổng số biên chế: 17/20</b>		

*Phụ lục 4*

**Tình hình cấp, sử dụng kinh phí hoạt động trợ giúp pháp lý qua các năm**

<b>Năm</b>	<b>Chương trình MTQGGN</b>	<b>Chương trình 135</b>	<b>Quỹ trợ giúp pháp lý</b>	<b>Khác</b>	<b>Ngân sách địa phương</b>	<b>Dự án</b>	<b>Khác</b>	<b>Tổng kinh phí cấp</b>
2010	380.000	0	42.147	0	912.750	32.679	0	987.956.000
2011	99.051.000	0	75.689	0	1.075.000	0	0	1.249.740.000
2012	0	0		0	1.704.000.000	0	0	1.705.950.000
2013					1.415.000.000			1.415.000.000
2014	1.303.262.000		32.000.000		1.482.000.000			2.817.262.000
2015	1.357.000.000		42.000.000		2.017.114.523			3.416.114.523
<b>Tổng số</b>	<b>2.759.693.000</b>	<b>0</b>	<b>149.731.000</b>	<b>0</b>	<b>8.605.864.523</b>	<b>32.679</b>	<b>0</b>	<b>11.592.022.523</b>

*Nguồn: Số liệu thống kê của Trung tâm TGPL.*

*Phụ lục 5*

**Hoạt động trợ giúp pháp lý lưu động**

<b>Năm</b>	<b>Trợ giúp pháp lý lưu động</b>						
	<b>Đợt lưu động</b>	<b>Lồng ghép phổ biến PL</b>	<b>Xã</b>	<b>Người tham dự</b>	<b>Vụ việc</b>	<b>Tờ gấp PL</b>	<b>Tài liệu khác</b>
2010	31	121	121	8.614	1.628	85.328	7.800
2011	37	131	131	10.959	2.995	6.660	4.980
2012	36		155	9.458	3.246	85.700	17.224
2013	33		119	7.375	1.667	12.000	
2014	52	334	155	23.768	4.657	72.520	3.330
2015	37		140	20.185	3.920	57.720	198
<b>Tổng số</b>	<b>305</b>	<b>586</b>	<b>821</b>	<b>80.359</b>	<b>18.113</b>	<b>247.928</b>	<b>16.308</b>

*Nguồn: Số liệu thống kê của Trung tâm TGPL.*

**Phụ lục 6**  
**Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý**

<b>Sinh hoạt Câu lạc bộ</b>				
<b>Thành viên</b>		<b>Đợt sinh hoạt</b>	<b>Người tham dự</b>	<b>Vụ việc</b>
<b>Năm</b>	<b>Số thành viên Ban chủ nhiệm là Cộng tác viên TGPL</b>			
2010	158	222	6.673	168
2011	141	360	10.687	386
2012	148	103	30.165	168
2013	158	143	6.939	228
2014	148	161	4.837	156
2015	148	203	7.849	251

*Nguồn: Số liệu thống kê của Trung tâm TGPL*

*Phụ lục 7*

**Tập huấn, bồi dưỡng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý**

<b>NĂM</b>	<b>TẬP HUẤN</b>	
	<b>ĐỢT TẬP HUẤN</b>	<b>NGƯỜI THAM DỰ</b>
2010	2	111
2011	1	78
2012	0	0
2013	03	222
2014	0	0
2015	0	0
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>06</b>	<b>411</b>

*Nguồn: Số liệu thống kê của Trung tâm TGPL.*

**Phụ lục 8**

**Số liệu về vụ việc trợ giúp pháp lý từ năm 2010 - 2015**

Thời gian	Người thực hiện	Lĩnh vực								TS	Hình thức						Địa điểm			
		HS	DS	HN GD	HC KN	ĐD	LD	PL UD	K		Tư vấn	TGTT		ĐD NTT	HK	TS	CN	LD	K	
												ĐD	BC							
2010	TGV	14	69	114	336	716		148	220	1.617	1604	3	10	0	0	28	0	1.589	0	
	CTV-LS	17	4	2	0	1	0	0	0	24	0	9	15	0	0	24	0	0	0	
	CTVK	4	25	60	142	67	4	16	75	393	392	0	0	0	0	8	0	39	346	
	<b>Tổng 1</b>	<b>35</b>	<b>98</b>	<b>176</b>	<b>478</b>	<b>784</b>	<b>4</b>	<b>164</b>	<b>295</b>	<b>2.034</b>	<b>1996</b>	<b>12</b>	<b>25</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>1.628</b>	<b>346</b>	
2011	TGV	31	80	166	747	1070	10	207	240	2.551	2512	11	21	6	0	63	4	2.484	0	
	CTV-LS	14	5	1	1	1	0	0	0	22	0	8	14	0	0	22	0	0	0	
	CTVK	4	27	54	122	72	1	32	110	422	422	0	0	0	0	16	0	20	386	
	<b>Tổng 2</b>	<b>49</b>	<b>112</b>	<b>221</b>	<b>870</b>	<b>1143</b>	<b>11</b>	<b>239</b>	<b>350</b>	<b>2.995</b>	<b>2934</b>	<b>19</b>	<b>35</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>101</b>	<b>4</b>	<b>2.504</b>	<b>386</b>	
2012	TGV	107	99	205	983	1079	4	137	347	2.961	2874	13	72	2	0	114	0	2.847	0	
	CTV-LS	3	0	0	0	1	0	0	0	4	0	3	1	0	0	4	0	0	0	
	CTVK	1	25	40	82	50	2	6	75	281	281	0	0	0	0	2	0	41	238	
	<b>Tổng 3</b>	<b>111</b>	<b>124</b>	<b>245</b>	<b>1065</b>	<b>1130</b>	<b>6</b>	<b>143</b>	<b>422</b>	<b>3.246</b>	<b>3155</b>	<b>16</b>	<b>73</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>2.888</b>	<b>238</b>	
2013	TGV	117	25	41	455	380	6	124	117	1265	1136	26	102	1	0	132	0	1133	0	
	CTV-LS	3	1	1	1	1	0	0	0	7	0	5	1	1	0	7	0	0	0	
	CTVK	8	12	77	207	147	12	15	87	565	565	0	0	0	0	31	0	534	0	
	<b>Tổng 4</b>	<b>127</b>	<b>38</b>	<b>119</b>	<b>663</b>	<b>528</b>	<b>18</b>	<b>139</b>	<b>204</b>	<b>1836</b>	<b>1701</b>	<b>31</b>	<b>103</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>170</b>	<b>0</b>	<b>1667</b>	<b>0</b>	



Thời gian	Người thực hiện	Lĩnh vực								TS	Hình thức						Địa điểm			
		HS	DS	HN	HC	ĐĐ	LĐ	PL	K		TS	Tur vấn	TGTT		ĐD NTT	HK	TS	CN	LĐ	K
				GĐ	KN			UĐ					ĐĐ	BC						
2014	TGV	287	125	296	1460	1190	153	456	890	4857	4612	38	207	0	0	179	80	4598	0	
	CTV-LS	25	2	0	0	0	0	0	0	27	0	5	22	0	0	20	7	0	0	
	CTVK	4	5	24	115	101	3	50	102	404	404	0	0	0	0	11	0	393	0	
	<b>Tổng 5</b>	<b>316</b>	<b>132</b>	<b>320</b>	<b>1575</b>	<b>1291</b>	<b>203</b>	<b>506</b>	<b>992</b>	<b>5335</b>	<b>5016</b>	<b>43</b>	<b>229</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>210</b>	<b>87</b>	<b>4991</b>	<b>0</b>	
2015	TGV	292	117	225	1166	728	28	441	786	3783	3489	27	267	0	0	210	87	4991	0	
	CTV-LS	23	8	0	0	3	0	0	0	34	4	8	22	0	0	34	0	0	0	
	CTVK	0	6	33	204	66	9	33	98	449	449	0	0	0	0	11	1	437	0	
	<b>Tổng 6</b>	<b>315</b>	<b>131</b>	<b>258</b>	<b>1370</b>	<b>797</b>	<b>37</b>	<b>474</b>	<b>884</b>	<b>4266</b>	<b>3942</b>	<b>35</b>	<b>289</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>255</b>	<b>88</b>	<b>3920</b>	<b>0</b>	

*Nguồn: theo số liệu thống kê tại Trung tâm TGPL.*

**Giải thích ký hiệu bảng biểu:**

- Người thực hiện: CTV-LS: Cộng tác viên là Luật sư; CTVK: Cộng tác viên khác;
- Lĩnh vực: HS: Hình sự; DS: Dân sự; HN-GĐ: Hôn nhân và gia đình; HCKN: Hành chính, khiếu nại; ĐĐ: Đất đai; LĐ: Lao động; PLUĐ: Đối tượng chính sách: có công cách mạng, thương binh, liệt sĩ...; K: Khác;
- TS: Tổng số;
- Hình thức: TGTT: Tham gia tổ tụng, ĐD: Đại diện, BC: Bào chữa; ĐDNTT: Đại diện ngoài tổ tụng; KN: Kiến nghị, K: Khác;
- Địa điểm: TS: Tại trụ sở Trung tâm trợ giúp pháp lý; CN: Tại Chi nhánh; LĐ: trợ giúp pháp lý lưu động tại cơ sở; K: Khác.

*Phụ lục 9*

**Số liệu về người được trợ giúp pháp lý từ năm 2010-2015**

<b>Diện Thời gian</b>	<b>Người nghèo</b>	<b>Người có công</b>	<b>Người già</b>	<b>Trẻ em</b>	<b>Người tàn tật</b>	<b>Người dân tộc</b>	<b>Khác</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>
<b>2010</b>	222	27	0	0	0	1769	18	<b>2.036</b>	1.456	580
<b>2011</b>	685	35	0	0	1	2252	22	<b>2.995</b>	1.999	996
<b>2012</b>	342	18	0	16	0	2652	218	<b>3.246</b>	2210	1036
<b>2013</b>	135	29	1	34	2	1597	39	<b>1.837</b>	695	1.142
<b>2014</b>	200	42	0	45	6	4862	40	<b>5.195</b>	1203	3992
<b>2015</b>	52	20	0	78	13	4038	45	<b>4.246</b>	2103	2143
<b>Tổng số</b>	<b>1.636</b>	<b>171</b>	<b>1</b>	<b>173</b>	<b>22</b>	<b>11.170</b>	<b>382</b>	<b>19.555</b>	<b>9.666</b>	<b>9.889</b>

*Nguồn: theo số liệu thống kê tại Trung tâm TGPL.*